**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TUẦN 25 – LỚP 5C ( Từ 10/3 đến 14/3/ 2025 )**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Tiết** | **Môn/GV** | **Tên bài** | **NDLG** |
| **Hai 10 /3** | 1 | HĐTN1 | Trách nhiệm và lòng biết ơn với gia đình |  |
| 2 | Toán | Thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương (tiết 1) |  |
| 3 | Tiếng Việt 1 | **Bài đọc 1:** Vua Lý Thái Tông | ANQP |
| 4 | Tiếng Việt 2 | **Bài đọc 1:** Vua Lý Thái Tông |  |
|  | 5 | Khoa học 1 | Quá trình phát triển của con người (Tiết 2) |  |
|  | 6 | Thể dục | *Đ/c Hồng soạn và dạy* |  |
|  | 7 | TV tăng - LV | Luyện viết: Bài 22: Mùa mưa |  |
| **Ba**  **11 /3** | 1 | Tiếng Việt 3 | **Bài viết 1**: Kể chuyện sáng tạo (Phát triển câu chuyện) |  |
| 2 | Tiếng Việt 4 | **Trao đổi:** Theo dòng lịch sử |  |
| 3 | Toán | Thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương (tiết 2) |  |
| 4 | Toán tăng | Luyện tập tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương |  |
| 5 | T.A - V | *Đ/c Vân soạn và dạy* |  |
| 6 | T.A - V | *Đ/c Vân soạn và dạy* |  |
| 7 | Lịch sử - Địa lí | Bài 18. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Cam-pu-chia ( tiết 1 ) | GDQPAN |
| **Tư**  **12 /3** | 1 | Tiếng Việt 5 | **Bài đọc 2:** Tuần lễ Vàng |  |
| 2 | Toán | Luyện tập (tiết 1) |  |
| 3 | Khoa học 2 | Quá trình phát triển của con người (Tiết 3) |  |
| 4 | HĐTN2 | Em là thành viên tích cực của gia đình | QCN |
|  | 5 | Thể dục | *Đ/c Hồng soạn và dạy* |  |
|  | 6 | Âm nhạc | *Đ/c Hiền soạn và dạy* |  |
|  | 7 | KNS | *Đ/c GV chuyên soạn và dạy* |  |
|  | 1 | Tiếng Việt 6 | **Luyện từ và câu:** Điệp từ, điệp ngữ |  |
| **Năm**  **13 /3** | 2 | Toán | Luyện tập (tiết 2) |  |
| 3 | Toán tăng | Luyện tập chung |  |
| 4 | Đạo đức | Bài 9: Em nhận biết biểu hiện xâm hại (Tiết 1) |  |
| 5 | Tiếng Việt 7 | **Bài viết 2:** Trả bài văn tả phong cảnh |  |
| 6 | TV tăng | Luyện tập về điệp từ, điệp ngữ |  |
| 7 | Lịch sử - Địa lí | Bài 18. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Cam-pu-chia ( tiết 2 ) |  |
|  | 1 | Toán | Luyện tập chung (tiết 1) |  |
| **Sáu**  **14/3** | 2 | TC – Toán | Luyện tập tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương |  |
|  | 3 | HĐTN3 | Xây dựng tiểu phẩm về trách nhiệm và lòng biết ơn |  |

***Tuần 25:***

Thứ hai ngày 10 tháng 3 năm 2025

Sáng:

Tiết 1: Hoạt động trải nghiệm 1

**TRÁCH NHIỆM VÀ LÒNG BIẾT ƠN VỚI GIA ĐÌNH**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Thể hiện được trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình bằng thái độ, lời nói, việc làm cụ thể.

- Liên hệ bản thân về những lời nói, việc làm mình đã thực hiện để thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.

- Sáng tạo được Cây trách nhiệm, biết ơn.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

**3. Phẩm chất**

* *Tự lực, trách nhiệm:* chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Giấy A3, bút, bút màu.
* Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề

**2. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp.
* Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:  - Hiểu được ý nghĩa của trách nhiệm và lòng biết ơn với gia đình.  - Tích cực, nhiệt tình tham gia buổi toạ đàm.  **b. Cách tiến hành**  - Đại diện nhà trường GV Tổng phụ trách Đội giới thiệu nội dung về chủ đề Trách nhiệm và lòng biết ơn với gia đình. Các nội dung chính như sau:  A group of kids sitting on chairs in front of a person sitting on a stage  AI-generated content may be incorrect.  + Giới thiệu khách mới là đại diện cha mẹ HS tham gia buổi toạ đàm.  + Lắng nghe khách mời chia sẻ về các nội dung gợi ý.  + Ý nghĩa của trách nhiệm và lòng biết ơn với gia đình.  + Những việc làm thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.  + Cảm xúc của cha mẹ, người thân khi con biết thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với gia đình.  + HS đặt câu hỏi và cũng tham gia thảo luận, nêu ý kiến của bản thân về chủ đề buổi toạ đàm.  - GV mời một số HS chia sẻ cảm nghĩ và những điều học được sau khi tham gia buổi tọa đàm. | - HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.  - HS tham gia.  - HS lắng nghe.    - HS chia sẻ. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... ***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2 : Toán

**THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT, HÌNH LẬP PHƯƠNG (Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

#### **1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách tính thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

- Thực hành, vận dụng trong một sô tình huống cụ thể có liên quan.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Thông qua việc tính thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương và thực hành, vận dụng đê giải quyết vấn đề trong một sô tình huống cụ thể có liên quan, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học. NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẽ nhóm. HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

*-* ***Giáo viên*:**

+ Chuẩn bị các mô hình hình hộp chữ nhật và hình lập phương với các kích thước đo bằng cm như hình vẽ gợi ý trong SGK

+ Một số hình lập phương cạnh 1 cm, hình vẽ hình hộp chữ nhật và hình lập phương có các hình lập phương nhỏ xếp ở trong.

+ Ti vi, máy tính, bài giảng điện tử.

**III. Các hoạt động dạy học.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Khởi động** | | |
| **\*Cách tiến hành:**  - GV đặt trên bàn 2 chiếc hộp có kích thước như hình vẽ SGK và 27 hình lập phương có cạnh 1cm ( hoặc trình chiếu)  - GV nếu vấn đề: Có 2 chiếc hộp có kích thước như hình vẽ, chú Voi thật khó để biết được thể tích của mỗi chiếc hộp. Em hãy giúp chú voi nhé?  - GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp tìm cách để tính được thể tích của 2 hình bên.  - Mời một số nhóm trình bày kết quả  - GV nhận xét và đưa ra đáp án và giới thiệu bài mới  - GV mời HS đặt câu hỏi cho bạn   * - GV nhận xét và giới thiệu bài | - HS quan sát hình    - HS thảo luận cặp theo yêu cầu.  **-** Một số cặp HS trình bày cách tính của mình:  *\* Chia chiều cao của hình HCN thành 2 lớp, mỗi lớp xếp được 12 hình lập phương cạnh 1cm, vậy hình hộp chữ nhật có thể tích 24 cm3*  **\****Chia chiều cao hình lập phương thành 3 lớp, mỗi lớp xếp được 9 hình lập phương nhỏ cạnh 1cm, vậy thể tích của hình lập phương là 27 cm3* | |
| **2. Khám phá** | | |
| **Hoạt động 1: Thể tích hình hộp chữ nhật**  - GV trình chiếu hình A (SGK), hỏi:  - GV yêu cầu: Tính thể tích hình hộp chữ nhật có các kích thước: *chiều dài 4 cm, chiều rộng 3 cm, chiều cao 2 cm*, dựa vào cách tìm thể tích ở phần khởi động, các em hãy tìm ra cách thực hiện tính thể tích của hình hộp chữ nhật trên và rút ra quy tắc, công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4  - Mời các nhóm trình bày kết quả, HS còn lại lắng nghe, nhận xét và đặt câu hỏi cho bạn  - Trong quá trình HS trình bày, nếu chưa rõ, GV đặt câu hỏi thêm:  +*Để tính thể tích hình hộp chữ nhật ta làm thế nào?*  *+Ta gọi thể tích là V; chiều dài là a; chiều rộng là b; chiều cao là c. Hãy viết công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật?*  - Gọi HS nhắc lại quy tắc và công thức.  **Hoạt động 2: Thể tích hình lập phương**  - GV chiếu hình B (SGK), mời HS quan sát và nêu kích thức hình B.  - GV nêu yêu cầu: Tính thể tích của hình lập phương B, rút ra quy tắc và công thức tính thể tích hình lập phương.  - HS thảo luận nhóm 4  - Các nhóm trình bày kết quả  - Rút ta quy tắc và công thức (GV thực hiện như trên)  - Gọi HS nhắc lại quy tắc và công thức. | | - HS quan sát hình nêu kích thước của hình: *chiều dài 4cm, chiều rộng 3cm, chiều cao 2 cm*    - HS lắng nghe yêu cầu  - Các nhóm thảo luận  - Một số nhóm trình bày kết quả  **HS mô tả cách thực hiện:**  *\* Theo kích thước của hình hộp chữ nhật chiều là dài 4cm, chiều rộng là 3cm thì xếp được 1 lớp hình gồm 4* x *3 = 12 hình lập phương nhỏ.*  *\* Theo chiều cao của hình hộp chữ nhật là 2cm, ta xếp thêm 1 lớp hình lập phương nhỏ như lớp*  *thứ nhất. ( 12* x *2 = 24) Vậy thể tích hình hộp chữ nhật là 4* x *3* x *2 = 24 cm3*  *\* Quy tắc: Muốn tính thể tích hình hộp chữ nhật, ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng rồi nhân với chiều cao (cùng một đơn vị do).*  \* **Công thức**: V = a x b x c  - HS quan sát và nêu kích thức của hình    - HS thảo luận nhóm 4  - HS trình bày kết quả ( 3 x 3 x 3 = 27 cm3)  - HS mô tả cách thực hiện như trên và rút ra quy tắc và công thức:  *- Muốn tính thể tích hình lập phương, ta lấy cạnh nhân với cạnh rồi nhân với cạnh.*  *-* **Công thức***: V = a x a x a* |
| **3. Luyện tập, thực hành.** | | |
| **Bài 1:**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài  - Mời HS nếu các kích thước của hình a, b, c  - Mời HS nêu lại cách tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương  - GV yêu cầu HS thực hành tính thể tích các hình bên vào bảng nhóm ( HS làm việc nhóm 4)  - Mời một số nhóm trình bày kết quả, HS lắng nghe đặt câu hỏi cho nhóm bạn.  - GV nhận xét ,chốt kết quả đúng. | | - 1 HS đọc yêu cầu và quan sát hình vẽ    - 2 HS nêu cách tính  - HS làm việc nhóm 4  - Một số nhóm trình bày kết quả  *Thể tích hình HCN a) 5 x 8 x 5 = 200 cm3*  *Thể tích hình lập phương b) 4 x 4 x 4 = 64 cm3*  *Thể tích hình HCN c) 20 x 4 x 5 =400 cm3* |
| - GV nhận xét tiết học, khen động viên học sinh. | | - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3+ 4: Chia sẻ và đọc

**CHIA SẺ VÀ BÀI ĐỌC 1: VUA LÝ THÁI TÔNG (TIẾT 1+2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

#### **1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 95 – 100 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó và tên riêng trong bài (VD: *đàn tế, Thần Nông, Bố Hải, canh cửi, hà khắc*,...). Hiểu bối cảnh của câu chuyện, nội dung và ý nghĩa của bài đọc: Bài đọc kể về vua Lý Thái Tông, vị vua luôn chăm lo cho dân, cho nước, là tấm gương lớn cho người đời sau.

- Biết bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ, chi tiết hay.

***- GDQPAN:*** Công lao to lớn của vua Lý Thái Tông trong việc cai quản và bảo vệ đất nước

**2. Năng lực chung:**

- NL giao tiếp và hợp tác: Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.

- NL tự chủ và tự học: Trả lời đúng các CH đọc hiểu.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng PC yêu nước, tích cực tham gia các hoạt động góp phần xây dựng đất nước.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Ti vi, máy tính, bài giảng điện tử.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 1**  **1. Khởi động**  **- GV hướng dẫn cách giải ô chữ**  - GV yêu cầu cả lớp quan sát ô chữ, một số HS lần lượt đọc to, rõ yêu cầu của trò chơi.  - GV hướng dẫn các bước làm BT: Đọc gợi ý Phán đoán từ ngữ Ghi từ ngữ t vào các ô trống theo hàng ngang (mỗi ô ghi 1 chữ cái in hoa), số chữ phải khớp với các ô Sau khi điền hết các từ vào các hàng ngang, đọc từ mới xuất hiện ở cột dọc màu xanh. - Đọc từ mới xuất hiện ở cột dọc màu xanh. Giải thích ý nghĩa của từ kiến quốc xuất hiện ở cột dọc màu xanh (BT 2) - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT  - GV hướng dẫn HS trao đổi, nêu nghĩa của từ *kiến quốc* (*kiến*: kiến thiết, xây dựng; *quốc*: đất nước, quốc gia; *kiến quốc*: xây dựng đất nước / kiến thiết quốc gia).   * GV nhận xét ý kiến HS, giải thích chính xác về từ *kiến quốc*.  - Giáo viên tổng kết và giới thiệu bài đọc 1 - Gv trình chiếu cho Hs xem đoạn video giới thiệu về vua Lý Thái Tông (cắt video đến 1p25’)  <https://youtu.be/p5lAPKAgFQ?si=kkk7diWS935Ci-Np>  - Gv đặt câu hỏi liên quan đến video như:  + Video nói về ai?  + Vua Lý Thái Tông là người như thế nào?  + Để hiểu rõ về ông hơn, cô mời các em bước vào bài học: “Vua Lý Thái Tông”  **2. Khám phá** | Học sinh thảo luận, giải ô chữ - Từng cặp HS trao đổi, làm bài vào VBT. GV phát cho 2 cặp HS 2 phiếu khổ to phô tô BT.  - Hai cặp HS làm bài trên phiếu gắn bài lên bảng lớp. Đại diện cặp thứ nhất báo cáo kết quả giải ô chữ (đọc từ ngữ ở từng hàng, đọc từ ở cột dọc màu xanh). Tiếp đến, đại diện cặp thứ hai báo cáo kết quả. Cả lớp và GV chốt lại đáp án:  - 1 HS đọc yêu cầu của BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.  - HS xem video  - HS phát biểu ý kiến |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu  - GV tổ chức cho HS chia đoạn và đọc nối tiếp các đoạn; sửa phát âm, giải nghĩa từ khó; chú ý giọng đọc phù hợp với nội dung câu chuyện:  + Đoạn 1 (từ đầu đến *... lấy gì cho thiên hạ noi theo?*) Lời đối thoại đọc với giọng chậm rãi, rành mạch. Các câu còn lại đọc với giọng kể chuyện khoan thai, dõng dạc.  + Đoạn 2 (từ *Thấy dân chúng sinh dùng hàng nước ngoài ...* đến *... khuyến khích nghề canh cửi.*): Đọc với giọng kể chuyện khoan thai, dõng dạc.  + Đoạn 3 (từ *Năm 1042*... đến ... *một nửa tiền thuế cho dân cả nước.*): Đọc với giọng kể chuyện khoan thai, dõng dạc.  + Đoạn 4 (phần còn lại): Đọc với giọng kể chuyện khoan thai, dõng dạc.  - GV yêu cầu HS đọc lần 2 kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác.  - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm 4.  - Tổ chức cho các nhóm thi đua đọc. (2 nhóm). Hs nhận xét, tuyên dương.  **TIẾT 2**  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 5 CH. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các CH tìm hiểu bài. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thảo luận nhóm đôi, mảnh ghép, khăn trải bàn,...  - HS báo cáo kết quả.  *1.Vua Lý Thái Tông quan tâm phát triển nông nghiệp như thế nào?*  2.*Nhà vua đã làm gì để khuyến khích người dân dùng hàng hoá trong nước?*  *3.Tìm những sự việc cho thấy nhà vua luôn chăm lo đến đời sống của người dân*?  4.*Lòng yêu nước, thương dân của vua Lý Thái Tông đã đem lại kết quả thế nào?*  5. *Em thích nhất chi tiết nào trong bài đọc? Vì sao?*  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài nói lên điều gì?  - GV mời 2 - 3 HS trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS.  **3. Luyện tập, thực hành** | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - Hs chia đoạn, đọc nối tiếp đoạn 2 lần:  + Lần 1: sửa lỗi phát âm khi đọc sai  + Lần 2: Đọc chú thích, giải nghĩa một số từ khó  - HS đọc trong nhóm 4  - 2 nhóm thi đua đọc bài; NX, tuyên dương.  - 5 Hs đọc nối tiếp 5 CH  - HS thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm phỏng vấn nhóm bạn lần lượt các câu hỏi. Các nhóm lần lượt đứng lên trình bày:  + Nhà vua ban hành nhiều chính sách khuyến khích nông nghiệp; tự mình làm ruộng để khích lệ thần dân.  + Năm 1040, nhà vua dạy cung nữ dệt gấm vóc, rồi cho đem hết gấm vóc của nước Tống ở trong kho ban cho các quan, tỏ ý là vua sẽ không dùng gấm vóc của nước Tống nữa, chỉ dùng gấm vóc sản xuất trong nước.  + Vào năm 1042, Lý Thái Tông cho soạn bộ Hình thư, bộ luật thành văn đầu tiên của nước nhà, nhằm bãi bỏ lối xử án tuỳ tiện, nhiều khi quá hà khắc của quan lại. Năm 1044, cả nước được mùa lớn, vua liền ban lệnh giảm một nửa tiền thuế cho dân cả nước.  + Một trăm năm cầm quyền của vua Lý Thái Tông và con, cháu ông là Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông được coi là thời kì hưng thịnh nhất của triều Lý. Đó cũng là thời kì các danh tướng như Lê Phụng Hiểu, Lý Thường Kiệt lập những chiến công lẫy lừng.  + HS suy nghĩ, nêu ý kiến cá nhân. VD: nhà vua tự cày ruộng, dạy cung nữ dệt gấm vóc, cho soạn bộ luật đầu tiên của nước ta, giảm một nửa tiền thuế cho dân,… HS nêu lí do vì sao thích chi tiết đó.  - Bài đọc kể về vua Lý Thái Tông, vị vua luôn chăm lo cho dân, cho nước, là tấm gương lớn cho người đời sau.  - HS trả lời  - HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có). |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc**  - GV mời một số HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc. Có thể tổ chức trò chơi (ô cửa bí mật, hộp quà, truyền điện,..*.*) để tăng tính hấp dẫn của hoạt động này.  - Chú ý cách nghỉ hơi ở những câu dài, nhấn mạnh các từ ngữ quan trọng. VD:  + *Có người can rằng: / “Đó là việc của* ***nông phu****, / Bệ hạ* ***cần gì*** *làm* ***thế****?”. // Vua đáp: / “Trẫm không* ***tự cày*** */ thì* ***lấy g****ì làm xôi cúng tổ tiên, /* ***lấy gì*** *cho thiên hạ* ***noi theo****?”.*  + ***Một trăm năm*** *cầm quyền / của vua* ***Lý Thái Tông*** *và con cháu ông / là* ***Lý***  ***Thánh Tông****, /* ***Lý Nhân Tông*** */ được coi là thời kì* ***hưng thịnh nhất*** *của triều Lý.*  *// Đó cũng là thời kì / các* ***danh tướng*** *như* ***Lê Phụng Hiểu****, /* ***Lý Thường Kiệt*** */ lập những* ***chiến công lẫy lừng****.*  - Nx, tuyên dương  **4. Vận dụng, trải nghiệm**  - Em biết được gì sau khi đọc bài “Vua Lý Thái Tông”?  - Em học tập được gì từ tấm gương của vua Lý Thái Tông?  ***- Tích hợp QPAN:*** Công lao to lớn của vua Lý Thái Tông trong việc cai quản và bảo vệ đất nước.  - GV tổng kết bài đọc; nhận xét và biểu dương HS.  - Dặn HS tìm đọc truyện (hoặc thơ, bài văn miêu tả, cung cấp thông tin) theo yêu cầu trong SGK (trang 52, SGK *Tiếng Việt 5*, tập hai). HS có thể tìm truyện trong quyển *Truyện đọc lớp 5* (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội). | - Hs đọc nối tiếp các đoạn theo hướng dẫn. chú ý cách ngắt nghỉ hơi.  - HS nêu ý kiến  - HS nêu bài học mình rút ra.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1: Khoa học 1

**QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CON NGƯỜI (Tiết 2 )**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS trình bày được một số đặc điểm của tuổi ấu thơ, tuổi vị thành niên

- Xác định được các dấu hiệu của cơ thể ở tuổi dậy thì

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ, thu thập thông tin tìm hiểu về tuổi ấu thơ, tuổi vị thành niên .

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học giải quyết các vấn đề đặt ra trong học tập.

**3. Phẩm chất**

**-** Nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.

- Trách nhiệm: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện nhiệm vụ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**- GV:** TV, máy tính, bài giảng PPT.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **1. Khởi động** | |
| * - Cho HS nghe bài hát : ***Chín bậc tình yêu*** * + Bài hát nói về những giai đoạn nào của con người? * GTB: Hôm nay chúng ta tìm hiểu giai đoạn tuổi ấu thơ và tuổi vị thành niên qua bài: *Quá trình phát triển của con người. (Tiết 2).* | * - HS nghe * + Giai đoạn tuổi ấu thơ, tuổi trưởng thành. |
| 1. **2. Khám phá**   **Hoạt động 3: Tìm hiểu về một số đặc điểm của tuổi ấu thơ.** | |
| Bước 1: Làm việc nhóm  - Yêu cầu HS quan sát và đọc thông tin ở hình 3, trang 73 SGK và luân phiên trình bày một số đặc điểm của tuổi thơ theo tiến trình thời gian.  Bước 2: Làm việc cả lớp  - GV trình chiếu hình 3, trang 73 SGK trước lớp và yêu cầu đại diện mỗi nhóm lên bảng trình bày một thời kì của tuổi ấu thơ.  - GV yêu cầu học sinh chia sẻ các đặc điểm nổi bật ở tuổi ấu thơ của bản thân với các bạn trong lớp.  - Cho HS nhận xét về phần giới thiệu tuổi ấu thơ của các bạn.  - Các em đang ở giai đoạn nào của tuổi ấu thơ?  - Đặc điểm chính của giai đoạn này là gì?    - Nhiệm vụ chính của giai đoạn này là gì?  *Chốt: Người ở tuổi ấu thơ, cơ thể phát triển nhanh về thể chất và trí tuệ; hoạt động chủ yếu là vui chơi, sau đó chuyển dần sang hoạt động học tập.* | - HS quan sát và thực hiện yêu cầu.  - HS quan sát và đại diện mỗi nhóm lên trình bày kết quả thảo luận nhóm.  *VD: Tuổi ấu thơ chia làm 3 giai đoạn . Tôi xin trình bày giai đoạn từ lúc mới sinh đến lúc 2 tuổi . Ở giai đoạn này chức năng các cơ quan trong cơ thể chưa phát triển hoàn chỉnh, cần uống sữa và chăm sóc đặc biệt. Sau đó có thể thực hiện được các hoạt động như lật, bò, đứng, đi…*  *HS2: Tôi xin trình bày giai đoạn từ 3 tuổi đến 5 tuổi….*  *HS 3 : Tôi xin trình bày giai đoạn từ 6 tuổi đến 9 tuổi….*  - HS thực hiện yêu cầu.  + HS mang an bum ảnh của mình và giới thiệu về thời ấu thơ;  Ví dụ: *Đây là tôi lúc mới sinh lúc đó mẹ tôi bảo tôi nặng 3 kg. Tôi được uống sửa và ăn nhiều loại thức ăn. 9 tháng tôi đã biết đi, đây là ảnh tôi lúc tập đi. Đây là toàn bộ ảnh của tôi giai đoạn 3-5 tuổi. Lúc đó tôi học mẫu giáo và rất hiếu động . Còn đây là ảnh của tôi giai đoạn 6-9 tuổi. Tôi đã đi học ở trường Tiểu học này đấy. Các bạn thấy tôi dễ thương không?*  - HS nghe. |
| ***Hoạt động 4: Tìm hiểu đặc điểm của tuổi vị thành niên*** | |
| *Bước 1 : Làm việc nhóm*  - HS đọc thông tin và quan sát hình 4, trang 74 SGK và **vẽ sơ đồ tư duy** về các thời kì và đặc điểm của từng thời kỳ trong độ tuổi vị thành niên  *Bước 2: Làm việc cả lớp*  - Cho HS trưng bày.  - Cho HS tham quan, đánh giá  - GV yêu cầu đại diện mỗi nhóm lên thuyết trình sơ đồ tư duy của nhóm mình.  GV đưa sơ đồ tư duy trên màn hình và chốt lại nội dung  - Nhận xét, đánh giá.  - Ở tuổi vị thành niên đặc điểm chính là gì? Ta phải lưu ý gì khi ở tuổi vị thành niên?  - Chốt: *Đặc điểm chính của tuổi vị thành niên: “Người ở tuổi vị thành niên, cơ quan sinh dục phát triển, có khả năng sinh sản ; có sự phát triển về trí tuệ, cảm xuc và các mối quan hệ xã hội ; bắt đầu suy nghĩ và hành động độc lập nhưng vẫn phụ thuộc vào gia đình”.* | - HS thực hiện yêu cầu theo nhóm 4  - Trưng bày theo kỹ thuật **Phòng tranh**  - HS đi tham quan, đánh giá về sơ đồ tư duy của nhóm bạn  - Đại diện nhóm lên trình bày  - Nhận xét, đánh giá.   * - HS nêu |
| 1. **3. Luyện tập, thực hành** | |
| *Bước 1: Làm việc nhóm*  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong mục Con ong và cùng nhau thảo luận 2 câu hỏi:  - Nêu dấu hiệu cho thấy cơ thể đang dậy thì.  - Những đặc điểm nào giúp em phân biệt tuổi ấu thơ với tuổi vị thành niên?  *Bước 2: Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu đại diện mỗi nhóm lên bảng trả lời một trong hai câu hỏi trên  - GV nhận xét, chốt kiên thức. | - 2- 3 HS đọc  - HS thảo luận nhóm 2  - Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận |
| 1. **4. Vận dụng, trải nghiệm** | |
| **-** Cho HS chơi trò chơi: **Vòng quay kì diệu**  - GV quay vào tên bạn nào bạn đó lên chia sẻ  - Em đã biết được gì sau bài học này? Em vận dụng thế nào trong cuộc sống? hoặc chia sẻ về tuổi ấu thơ, uổi vị thành niên của anh , chị …  - GV, HS nhận xét và tổng kết tiết học  Dặn dò: Sưu tầm các hình ảnh tuổi trưởng thành của anh, chị, bố mẹ để tiết sau học | - HS tham gia chơi.  - Kĩ thuật : **Trình bày 1 phút**   * - HS trình bày * - HS nghe   - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Thể dục

*( Đ/c Hồng soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Tiếng Việt ( tăng )

**LUYỆN VIẾT BÀI 22: MÙA MƯA**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

- Giúp HS hiểu được nội dung bài :Mùa mưa.

- Giúp HS viết đúng bài luyện viết.

- Rèn luyện cho HS kĩ năng viết đẹp, trình bày sạch sẽ bài luyện viết.

- Giáo dục HS biết giữ gìn sách vở sạch đẹp

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bảng phụ viết sẵn các mẫu chữ khi viết

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên  **1. Khởi động:**  **2. Hình thành kiến thức mới**  a. Giới thiệu bài  - GV giới thiệu trực tiếp  b. Hướng dẫn hs luyện viết  - yc hs đọc nội dung bài:  - Em hiểu bài này về nội dung gì?  - GV chốt:  - Bài được trình bày như thế nào?  - GV hướng dẫn viết một số chữ, từ khó viết trong bài.  - Cho hs viết bài.  - GV đi lại giúp đỡ hs yếu.  - Gv thu bài chấm, nhận xét  **3. Hoạt động vận dụng**  - GV nhận xét  - Yc hs viết lại những chữ, từ viết chưa đẹp | Hoạt động của học sinh  - HS nghe  - 1 HS đọc  - HS nêu nội dung bài.  - HS : thể văn xuôi  - HS viết và vở  - HS ghi nhớ |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ ba ngày 11 tháng 3 năm 2025

Buổi sáng: Tiết 1:Viết

**BÀI VIẾT 1: KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO**

**(Phát triển câu chuyện)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

#### **1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách viết bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe một cách sáng tạo bằng cách bổ sung chi tiết cho câu chuyện.

- Biết cách sáng tạo chi tiết hợp lí, sinh động, hấp dẫn.

#### **2. Năng lực chung**

- Phát triển NL tự chủ và tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

- NL sáng tạo: Biết phát triển một câu chuyện đã đọc, đã nghe.

- NL giao tiếp: Biết trao đổi với bạn.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng các PC trung thực, trách nhiệm, yêu nước thông qua ngữ liệu trong ba bài đọc.

### **II. Đồ dùng dạy học:**

- Ti vi, máy tính.

**III. Các hoạt động dạy và học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - GV cho HS xem video “Bà Còng đi chợ trời mưa” (cắt video 1p35’)  <https://youtu.be/NJp44BoSKCE?si=qubyZd0ZVb7ocSNx>  - Hỏi:  + Trong bài hát trên có những nhân vật nào?  + Chuyện gì đã xảy ra đối với mỗi nhân vật?  + Mỗi nhân vật đã có những ý nghĩ và hành động như thế nào?  - GV chuyển HĐ, giới thiệu vào bài: Ở bài học trước, các em đã học cách viết một bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe một cách sáng tạo bằng cách thay đổi vai kể, lời kể. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em kể sáng tạo bằng một cách khác, đó là: phát triển câu chuyện bằng cách bổ sung các chi tiết (lời nói, ý nghĩ, hành động) của nhân vật hoặc bối cảnh, tình huống diễn ra câu chuyện.  **2. Khám phá** | - Hs xem video  - HS trả lời câu hỏi:  + Bà Còng, Tôm, Tép  + Bà Còng đi chợ trời mưa, Tôm, Tép đi đưa bà Còng.  + Bà Còng bị rớt tiền, Tép, Tôm nhặt được trả bà mua rau. (Bà Còng cảm ơn về hành động tốt bụng của 2 bạn) |
| **Hoạt động 1: Nhận xét**  - GV tổ chức cho HS đọc phần nhận xét và trả lời câu hỏi.  - GV trình chiếu bảng kẻ 2 cột viết đoạn văn trang 52-53 và đoạn văn bài “Cậu bé và con heo đất” trang 36-37.  + 2 HS đọc lại 2 đoạn văn và 3 câu hỏi.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi và trả lời CH  a) Trong đoạn văn có những chi tiết nào khác với đoạn văn trong bài đọc *Cậu bé và con heo đất* (trang 36 – 37)?  b) Người viết sáng tạo thêm những chi tiết ấy nhằm mục đích gì?  c) Những chi tiết ấy có làm thay đổi nội dung chính của câu chuyện không? Vì sao?  - GV nêu CH: Để kể sáng tạo một câu chuyện đã nghe, đã đọc, em có thể làm gì?  - GV NX, tuyên dương.  **Hoạt động 2: Rút ra bài học**  - GV trình chiếu nội dung bài, mời 1 – 2 HS đọc to nội dung bài học trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV giải thích kĩ hơn về kiến thức được trình bày trong bài học.  - GV mời 1 – 2 HS nhắc lại nội dung bài học trong SGK.  **3. Luyện tập, thực hành** | + 1 Hs đọc phần nhận xét  + 2 HS lần lượt đọc lại 2 đoạn văn và CH; Hs thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi; Đại diện các nhóm thuyếttrình.  *a) Hải vội đi tìm ba và kể lại chuyện số tiền trong con heo đất dư ra gần ba trăm nghìn. Ba hỏi: “Vậy, con tính sao?”. Hải níu tay ba: “Chủ nhật này, ba chở con lên thị xã nha! Con phải trả lại tiền cho cô chủ tiệm tạp hoá.”.*  b) Làm cho câu chuyện đầy đủ, sinh động, hấp dẫn hơn.  c) Những chi tiết ấy là những chi tiết phụ, vì vậy, không ảnh hưởng đến nội dung chính của câu chuyện.  + Các nhóm khác góp ý, NX  - HS lần lượt nêu ý kiến.  - 2 HS đọc nội dung, lớp đọc thầm.  - HS nhắc lại nội dung bài học (nếu cần) |
| **-** GV mời 1 – 2 HS đọc to 2 đề trong SGK.  - GV hướng dẫnHS lựa chọn đề bài, xem lại bài đọc *Hoa trạng nguyên* hoặc *Những chấm nhỏ mà không nhỏ* theo đề bài mình đã chọn.  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc độc lập: bổ sung chi tiết liên quan đến các nhân vật hoặc tình huống mới của câu chuyện.  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm đôi, trao đổi với nhau về những chi tiết mới được bổ sung.  - GV mời 2 – 3 HS đọc to cho cả lớp nghe về những chi tiết mới liên quan đến nhân vật hoặc tình huống mới của câu chuyện mà HS đã sáng tạo.  - Các HS khác nhận xét, bình chọn những bài làm có tính sáng tạo, có chi tiết sinh động, hấp dẫn.  - GV trình chiếu 2 đoạn chuyện đã được sáng tạo và mời 2 HS đọc to, cả lớp đọc thầm.  a) Kể sáng tạo câu chuyện *Hoa trạng nguyên*:  *Dịp chuẩn bị hội làng năm ngoái, ba anh em chúng tôi theo ông nội vào Văn Chỉ của làng. Ông bảo: “Văn Chỉ thờ mười vị tiến sĩ thời xưa, người quê mình. Xây cả trăm năm rồi đấy.”.*  *Bốn ông cháu thong thả đi vào khuôn viên đền. Từ cổng vào đến gian thờ chính là một con đường lát gạch đỏ đã bạc màu theo thời gian. Hai bên đường cỏ dại mọc um tùm, nhiều bụi cây dại bò lan ra đường, cản bước chân người. Anh Nguyên thắc mắc:*  *- Ông ơi, sao ven đường để cỏ mọc tốt thế này ạ? Hình như lâu rồi không có ai dọn dẹp đường này.*  b) Kể sáng tạo câu chuyện *Những chấm nhỏ mà không nhỏ*:  *Về đến nhà, Thanh háo hức ngồi vào bàn, vẽ ngay. Vẽ bản đồ chứ không phải vẽ tranh, ai cũng có thể vẽ được, nếu khi nhắm mắt vẫn hiện ra hình chữ S ấy trong đầu. Thanh lấy ra một tờ giấy trắng tinh và một hộp bút chì màu. Em cẩn thận đưa bút trên trang giấy, vẽ những nét đầu tiên. Hình nước Việt Nam cong cong hình chữ S dần dần hiện rõ trên nền giấy trắng. Chẳng bao lâu, Thanh đã vẽ xong. Em cầm bức vẽ ngắm nghía và tự thấy rất hài lòng. A, bố vừa đi làm về, em sẽ khoe bố ngay!*  **4. Vận dụng, trải nghiệm**  - GV hướng dẫn HS sáng tạo thêm một số câu chuyện khác đã nghe, đã đọc nhưng không làm sai lệch nội dung câu chuyện để kể cho bạn bè, người thân nghe.  + GV nhân xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt. | - HS đọc to 2 đề sgk trang 53  - HS làm việc cá nhân  - HS thảo luận nhóm đôi  - 2,3 HS trình bày phần sáng tạo của mình.  - HS NX, bình chọn bài sáng tạo, sinh động, hấp dẫn.  - 2 HS đọc to, cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Nói và nghe

**TRAO ĐỔI: THEO DÒNG LỊCH SỬ**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

#### **1. Năng lực đặc thù:**

- HS biết cách phát biểu cảm nghĩ về nhà vua Lý Thái Tông qua bài đọc *Vua Lý Thái Tông* hoặc giới thiệu được một di tích lịch sử ở nơi các em sống (hoặc ở quê hương các em, ở một địa phương khác trên đất nước ta).

- Người nói biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.

- Người nghe biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và về ý kiến của bạn trong lúc trao đổi để đặt CH hoặc phát biểu ý kiến.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: Biết nghe, ghi, trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; có thái độ đúng khi nghe và nói: lắng nghe, tôn trọng người nói, tôn trọng người nghe.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào về quê hương, đất nước và ý thức chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Ti vi, máy tính, bài giảng điện tử.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV cho HS chơi: Trò chơi chuyền bóng: Giáo viên mở một bài hát vui nhộn, học sinh sẽ chuyền quả bóng (hoặc bông hoa) đến bạn nào nhạc dừng thì bạn ấy đứng lên kể tên một nhân vật lịch sử hoặc một di tích lịch sử ở địa phương mà em biết.  - Qua trò chơi, GV giới thiệu bài mới: Trong tiết Nói và nghe hôm nay, các em có hai lựa chọn. Thứ nhất, các em trình bày cảm nghĩ của mình về nhà vua Lý Thái Tông qua bài đọc *Vua Lý Thái Tông*. Thứ hai, các em giới thiệu một di tích lịch sử ở nơi các em sống (hoặc ở quê hương các em, ở một địa phương khác trên đất nước ta). Qua trao đổi, các em sẽ hiểu thêm về lịch sử đất nước và những di tích lịch sử trên đất nước ta. | - HS lắng nghe cách chơi và tham gia chơi.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá - thực hành:**  **Hoạt động 1: Chuẩn bị**  - GV yêu cầu Hs đọc đề bài trang 53,54 và quan sát hình ảnh  + GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài (Chọn 1 trong 2 đề: Phát biểu cảm nghĩ của em về Lý Thái Tông qua bài đọc *Vua Lý Thái Tông*. / Nói về một di tích lịch sử của nước ta mà em biết.).  + HS đọc yêu cầu và gợi ý ở các đề 1, 2.  + GV hỏi HS chọn đề 1 hay đề 2.  + GV tổ chức cho HS ngồi thành 2 dãy: dãy chọn đề 1 và dãy chọn đề 2.  **Hoạt động 2: Thảo luận**  **\* Thảo luận trong nhóm**  - GV tổ chức cho HS ngồi vào nhóm 6 để thảo luận theo gợi ý đề 1/đề 2  **+ Nội dung trao đổi đề 1:**   1. GT nhân vật 2. Kể về những việc nhà vua đã làm…. 3. Nêu cảm nghĩ của em về công lao của nhà vua đối với đất nước ta   **\* Nội dung trao đổi đề 2:**  **+ Đó là di tích nào? ở đâu? (**Nêu tên di tích lịch sử mà em muốn giới thiệu (HS có thể tìm hiểu thông tin để giới thiệu về một trong ba di tích lịch sử được giới thiệu ảnh trong SGK hoặc giới thiệu về di tích khác)  **+ Di tích ấy gắn với nhân vật hoặc sự kiện nào? (**Nêu những thông tin chính về di tích lịch sử. VD, về Bến cảng Nhà Rồng)  **+ Em có cảm nghĩ gì khi đến thăm di tích ấy?**  **\* Thảo luận trước lớp**  - Một số HS trình bày ý kiến trước lớp; trả lời CH của các bạn hoặc đặt CH, mời cả lớp thảo luận về ý kiến của bạn.  - Các HS khác lắng nghe, ghi nhận xét vắn tắt về ý kiến của bạn. Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS khác đặt CH, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về câu chuyện; kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của HS trong khi nghe.  - GV có thể nêu ý kiến cá nhân hoặc tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng.  **3.Vận dụng, trải nghiệm**  - HS tìm hiểu thêm về một nhân vật lịch sử hoặc một di tích lịch sử khác để giới thiệu với các bạn và bạn bè quốc tế.  - HS ra sức học tập và giữ gìn các di tích lịch sử để nó được lưu truyền mãi về sau.  - GV nhận xét tiết học. | - 1 Hs đọc 2 đề bài, cả lớp đọc thầm  - HS phát biểu theo hướng dẫn của GV  - HS thảo luận nhóm 6, luân phiên trình bày ý kiến theo gợi ý trong SGK:  **Đề 1:** Phát biểu cảm nghĩ của em về Lý Thái Tông qua bài đọc *Vua Lý Thái Tông.*  - Giới thiệu về nhà vua Lý Thái Tông: là vị hoàng đế văn võ song toàn và nổi tiếng nhân từ.  - Kể về những việc nhà vua đã làm để chăm lo cho dân và xây dựng đất nước: Nhà vua chăm lo mở mang kinh tế, ban hành nhiều chính sách khuyến khích nông nghiệp, tự mình làm ruộng để khích lệ thần dân. Năm 1040, nhà vua dạy cung nữ dệt gấm vóc, rồi cho đem hết gấm vóc của nước Tống ở trong kho ban cho các quan, tỏ ý là vua sẽ không dùng gấm vóc của nước Tống nữa, chỉ dùng gấm vóc sản xuất trong nước, qua đó khuyến khích nghề canh cửi, khuyến khích người dân sử dụng hàng hoá trong nước. Vào năm 1042, Lý Thái Tông cho soạn bộ Hình thư, bộ luật thành văn đầu tiên của nước nhà, nhằm bãi bỏ lối xử án tuỳ tiện, nhiều khi quá hà khắc của quan lại. Năm 1044, cả nước được mùa lớn, vua liền ban lệnh giảm một nửa tiền thuế cho dân cả nước.  - Nêu cảm nghĩ của em về công lao của nhà vua đối với đất nước ta: (Gợi ý) Nhà vua rất yêu nước thương dân, có công lao rất lớn để thúc đẩy sản xuất, xây dựng pháp luật, tạo nên cuộc sống ấm no, hoà bình cho dân chúng.  **Đề 2:** Nói về một di tích lịch sử của nước ta mà em biết.  + Bến cảng Nhà Rồng là khu di tích kiến trúc và lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nay được gọi tên chính thức là Bảo tàng Hồ Chí Minh – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Ở di tích này trưng bày nhiều hình ảnh, hiện vật về đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  + Toà nhà Bến cảng Nhà Rồng vốn là trụ sở của một công ti vận tải biển, được xây dựng năm 1863. Đây là một di tích quốc gia đặc biệt của Việt Nam vì gắn với sự kiện người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.  + Theo một số tài liệu thì ngày 3/6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (lúc đó lấy tên là Nguyễn Văn Ba) lên làm việc trên con tàu Đô đốc La-tút- xơ Tơ-rê-vin đậu ở cảng Sài Gòn, đối diện Nhà Rồng – trụ sở của hãng vận tải biển. Ngày 5/6/1911, tàu nhổ neo sang Xin-ga-po, bắt đầu hành trình cứu nước của người công dân vĩ đại Nguyễn Tất Thành – Hồ Chí Minh.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Toán

**BÀI 65. THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT, HÌNH LẬP PHƯƠNG (Tiết 2)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Nhận biết được thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.
* Biết cách tính thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.
* Thực hành, vận dụng trong một sô tình huống cụ thể có liên quan.
* Phát triển các NL toán học.

**2.Năng lực chung:**

* Thông qua việc tính thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương và thực hành, vận dụng đê giải quyết vấn đề trong một sô tình huống cụ thể có liên quan, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học. NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẽ nhóm. HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II.Đồ dùng dạy học:**

*-* ***Giáo viên*** **:**

+ Chuẩn bị các mô hình hình hộp chữ nhật và hình lập phương với các kích thước đo bằng cm như hình vẽ gợi ý trong SGK

+ Một số hình lập phương cạnh 1 cm, hình vẽ hình hộp chữ nhật và hình lập phương có các hình lập phương nhỏ xếp ở trong.

+ Bảng phụ, máy chiếu.

***- Học sinh:*** SGK, VBT toán

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** |  | |
| **2. Hoạt động thực hành**  Mục tiêu: Củng cố cách tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương | | |
| **Bài 2:** Tính thể tích đồ vật  -Mời HS đọc yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để hoàn thành bài tập và ghi vào VBT  -Mời lớp trưởng điều khiển lớp chia sẻ kết quả.  -Trong quá trình HS chia sẻ kết quả, GV đặt câu hỏi thêm cho HS giải đáp.  - Yêu cầu HS nhắc lại cách tính diện tích toàn phần hình hộp chữ nhật, hình lập phương ( b) | | -1 HS đọc yêu cầu  - HS thảo luận nhóm 4, thực hiện vào VBT  - Các nhóm chia sẻ kết quả  - 2 bạn chia sẻ kết quả câu a/ 2 bạn chia sẻ kết quả câu b  - HS còn lại quan sát, lắng nghe và đặt câu hỏi  Đáp án: a) 0,064 m3  2m  b) 268 cm2 294 cm2  - HS nêu cách tính |
| **Bài 3:**  GV trình chiếu hình vẽ, hỏi:  -Thùng hàng có kích thước như thế nào?  -Cho HS thi đua làm cá nhân  -Mời HS chia sẻ kết quả | | -HS quan sát hình, trả lời: Thùng hàng có kích thước: chiều dài 6m ;chiều rộng 2,4m; chiều cao 2,6m  -HS thực hiện vào VBT  - 2 HS thực hiện trên bảng  Kết quả: a) 6 x 2,4 x 2,6 = 37,44 m3  b) Sxq = (6 + 2,4) x 2 x 2,6 = 43,68 m2  Stp= 43,68 + (6 x 2,4) x 2=72,48m2 |
| **3. Hoạt động vận dụng:** | | |
| **Bài 4:** HS đọc yêu cầu bài  GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh- ai đúng  \* Cách chơi: GV trình chiếu hình ảnh, cả lớp quan sát, ước lượng và ghi đáp án mình chọn vào bảng con. Ai đưa ra đáp án đúng và nhanh chiến thắng trò chơi.  - HS tiến hành trò chơi  - Yêu cầu HS lí giải vì sao chọn kết quả trên  \* Vận dụng:  -Qua bài học hôm nay, em học được gì?  - Em có thể chia sẻ cảm nghĩ của em sau bài học?  \* Dặn dò: Xem bài học, luyện tập tính thể tích một đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật và hình lập phương | | 1 HS đọc yêu cầu: *Ước lượng rồi lựa chọn số đo thể tích phù hợp*  -HS lắng nghe  -Cả lớp tham gia trò chơi  Đáp án:   1. A. 160m3 B. 530 dm3   -HS lí giải:  *+ Thể tích căn phòng cần tính theo đơn vị m3*  *+ Thể tích tủ lạnh cần tính theo đơn vị dm3*  - Qua bài học hôm nay em học được cách tính thể tích của một đồ vật có hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  - HS chia sẻ ý kiến cá nhân |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Tiết 4: Toán tăng

**LUYỆN TẬP TÍNH THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT,**

**HÌNH LẬP PHƯƠNG**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố về thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Rèn kĩ năng giải toán liên quan đến tính thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Ti vi, máy tính, bài giảng điện tử.

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1. Khởi động** |  |
| - GV nêu yêu cầu: nêu công thức, phát biểu quy tắc tính thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  => GV chốt:  - Thể tích của hình hộp chữ nhật:  V = a x b x c  - Thể tích của hình lập phương:  V = a x a x a | - HS trao đổi theo nhóm đôi dưới hình thức lẩu băng chuyền.  - Một số HS nêu.  - 2 HS lên bảng viết.  - HS nhắc lại. |
| **2. Luyện tập, thực hành.** |  |
| **Bài 1:** Một khối kim loại hình lập phương có cạnh 0,75m. Mỗi đề-xi-mét khối kim loại đó cân nặng 15kg. Hỏi khối kim loại đó cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?  - Gọi HS đọc đề bài toán.  - Tổ chức cho HS làm bài, chữa bài.  *- Chốt cách tính thể tích hình lập phương.*  **Bài 2:** Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng 50cm, chiều cao 60cm.  a) Tính diện tích kính dùng làm bể cá đó (bể không có nắp).  b) Tính thể tích bể cá.  c) Mức nước trong bể cao bằng  chiều cao của bể. Tính thể tích nước có trong bể (độ dày kính không đáng kể)  - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS nêu các kích thước của bể cá.  - Diện tích kính dùng làm bể cá là diện tích của những mặt nào?  - Làm thế nào để tính được thể tích nước?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và làm bài vào vở.  - GV chữa bài cho HS.  *- Củng cố cách tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật.* | - HS đọc đề, phân tích đề.  - HS nêu:  + Đổi 0,75 m = 7,5 dm  + Tính thể tích khối kim loại (đơn vị đề-xi-mét khối)  + Tính khối lượng của khối kim loại.  - HS làm bài vào vở, chữa bài. - Cả lớp nhận xét.  - 1 HS đọc bài, lớp đọc thầm và quan sát hình vẽ trên màn hình.  - Bể cá có chiều dài 1m, chiều rộng 50 cm, chiều cao 60 cm.  - Diện tích xung quanh và diện tích một mặt đáy vì bể cá không có nắp.  - Mực nước trong bể có chiều cao bằng  chiều cao của bể nên thể tích nước cũng bằng  thể tích của bể.  - HS thảo luận nhóm đôi và làm bài vào vở.  - 1 HS lên bảng chữa bài.  Bài giải  a) 50cm = 0,5m ; 60cm = 0,6m  Diện tích kính xung quanh bể cá là:  (1 + 0,5) x 2 x 0,6 = 1,8 (m2)  Diện tích kính mặt đáy bể cá là:  1 x 0,5 = 0,5 (m2)  Diện tích kính để làm bể cá là:  1,8 + 0,5 = 2,3 (m2)  b) Thể tích của bể cá là:  1 x 0,5 x 0,6 = 0,3 (m3)  c) Chiều cao mực nước trong bể là:  0,6 x = 0,45 (m)  Thể tích nước trong bể có là:  1 x 0,5 x 0,45 = 0,225 (m3)  Đáp số: a) 2,3m2; b) 0,3m3 ; c) 0,225m3 |
| **Bài 3:** Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng 7cm và chiều cao 9cm. Một hình lập phương có cạnh bằng trung bình cộng của ba kích thước của hình hộp chữ nhật trên. Tính:  a) Tính thể tích hình hộp chữ nhật.  b) Tính thể tích hình lập phương.  - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS nêu cách làm.  - HS làm bài cá nhân.  - GV nhận xét bài làm của HS.  *- Củng cố cách tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.*  **3. Vận dụng, trải nghiệm.**  - Muốn tính thể tích hình lập phương và thể tích hình hộp chữ nhật ta làm như thế nào?  - Vận dụng kiến thức tính nguyên vật liệu làm các đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS làm bài tốt. | - HS đọc đề, phân tích đề.  - HS nêu cách làm.  - HS làm bài cá nhân.  - HS đọc bài làm của mình.  Bài giải  a) Cạnh hình lập phương đó là:  (8 + 7 + 9) : 3 = 8 (cm)  Thể tích hình hộp chữ nhật là:  8 x 7 x 9 = 504 (cm3)  b) Thể tích hình lập phương là:  8 x 8 x 8 = 512 (cm3)  Đáp số: a) 504cm3; b) 512cm3  - HS nêu lại.  - HS thực hiện tính giấy bìa để làm hộp quà và giấy màu để dán hộp quà.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1+ 2: Tiếng Anh

*( Đ/c Vân soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Lịch sử và Địa lí

**NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DAN LÀO**

**VÀ VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA ( Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Xác định được vị trí, địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào.

- Sưu tầm một số tư liệu ( tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,..), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của nước Lào.

**2. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: sưu tầm, tổng hợp, sắp xếp và trình bày về một công trình kiến trúc tiêu biểu.

- Giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: có ý thức tôn trọng, bảo vệ các công trình kiến trúc và giá trị văn hóa, lịch sử.

- Chăm chỉ: hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

\*GDQPAN: Tôn trọng biên giới, lãnh thổ của các nước láng giềng (HĐ1)

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Giáo viên**

- Bản đồ/ Lược đồ tự nhiên Lào

- Tranh ảnh về thiên nhiên, một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Lào.

- Ti vi, máy tính, bài giảng điện tử.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Giáo viên tổ chức cho học sinh:  + Kể tên các quốc gia láng giềng phía tây Việt Nam.  + Chia sẻ những gì em biết Lào.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài: Phía tây Việt Nam giáp 2 quốc gia đó là Lào và Campuchia, nhưng trong tiết hôm nay các em sẽ được tìm hiểu về đất nước Lào. Qua bài học chúng ta sẽ biết được về vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào, tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu ở Lào. | - HS làm việc  + Lào và Campuchia  + HS chia sẻ. |
| 1. **2. Khám phá**   **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí của Lào** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp tìm hiểu nội dung sau:  + Xác định vị trí của nước Lào trên lược đồ hình 1.  - GV yêu cầu đại diện cặp HS trình bày kết quả, kết hợp chỉ bản đồ, lược đồ về vị trí địa lí của nước Lào.  - GV gọi các cặp HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ.  - GV chuẩn xác kiến thức về vị trí địa lí của Lào.  *+ GDQPAN: Theo các em chúng ta có quyền tôn trọng biên giới, lãnh thổ của các nước láng giềng không?* | - HS làm việc theo cặp  - HS xác định vị trí trên lược đồ.  - HS trình bày kết quả  Lào nằm ở phía tây Việt Nam, thuộc khu vực Đông Nam Á, không giáp biển.  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe.  -HSTL. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Lào.** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời các câu hỏi:  + Quan sát hình 1,2 trang 84-85 SGK, em hãy trình bày một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Lào.  + Đọc thông tin, em hãy trình bày một số đặc điểm về dân cư của Lào.  - GV yêu cầu các cặp HS trình bày kết quả, kết hợp chỉ bản đồ, lược đồ về địa hình, dân cư của Lào.  - GV gọi các cặp HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ.  - GV chuẩn xác kiến thức về tự nhiên, dân cư của Lào. | - HS làm việc theo cặp  - HS trả lời:  + Tự nhiên: Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên; khí hậu nhiệt đới gió mùa; giàu tài nguyên rừng với nhiều gỗ quý, voi, hổ, báo, bò tót,...  + Dân cư: số dân ít, phần lớn dân cư là người Lào; dân cư phân bố.  - HS trình bày kết quả  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe. |
| \* GV mở rộng: Lào từng là nơi sinh sống của rất nhiều loài voi nên còn được gọi là “Đất nước triệu voi”. Trong quá khứ, voi đóng vai trò như công cụ vận chuyển, phương tiện di chuyển. Tuy nhiên, số lượng voi ngày càng giảm, nhiều đứa trẻ ở đất nước này thậm chí chưa từng được nhìn thấy voi. Để bảo tồn loài động vật có ý nghĩa lịch sử này, nhiều trại bảo tồn voi được thành lập ở khắp đất nước Lào.  Ngoài tên gọi “Đất nước triệu voi”, Lào còn được biết đến là xứ sở hoa Chăm-pa vì Chăm-pa là quốc hoa của đất nước này. | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu một số công trình tiêu biểu** | |
| - GV chia lớp thành các nhóm và đánh số cho các nhóm, yêu cầu:  + Nhóm chẵn: Tìm hiểu và mô tả về cố đô Luông Pha- băng.  + Nhóm lẻ: Tìm hiểu và mô tả về Cánh đồng Chum.  - GV gọi đại diện các nhóm mô tả về công trình tiêu biểu của Lào, có dẫn chứng bằng tranh ảnh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. | - HS làm việc theo nhóm đã chia.  - HS trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung. |
| **3. Luyện tập, thực hành** | |
| - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6 với 2 câu hỏi:  + a) Kể tên kết hợp chỉ trên lược đồ ( hình 1 hoặc hình 5) một số dãy núi, cao nguyên, sông lớn của Lào.  b) Tóm tắt thông tin về Lào theo bảng gợi ý trang 88 SGK vào vở ghi.  - GV gọi 1-2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  - GV biểu dương nhóm chỉ bản đồ đúng, nhóm trả lời câu 2 một cách sáng tạo.  **3. Vận dụng**  - GV mời HS nhắc lại tên bài, các nội dung của tiết học:  - GV dặn dò HS về nhà học bài cũ và chuẩn bị bài tiếp theo | - HS làm việc nhóm 6.  - HS trả lời:  + Dãy núi: Luông Pha Băng.  + Cao nguyên: Hủa Phan, Xiêng Khoảng, Tà Ôi, Bô-lô-ven.  + Sông lớn: Mê Công.  - HS trả lời  - HS trình bày kết quả  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có )**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….................…………………………………………………………………………

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ tư ngày 12 tháng 3 năm 2025

Buổi sáng: Tiết 1:Tiếng Việt

**BÀI ĐỌC 2: TUẦN LỄ VÀNG**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

#### **1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 95 – 100 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài (VD: *ngân khố, cân, đồng bạc trắng, hậu duệ, lạng*). Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc: Tinh thần đoàn kết, sẵn sàng cống hiến cho đất nước của người dân Việt Nam qua sự kiện Tuần lễ Vàng tháng 9/1945.

- Biết bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ và chi tiết hay.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm), NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu).

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, đoàn kết, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Ti vi, máy tính, bài giảng điện tử.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV trình chiếu cho HS xem đoạn video về sức mạnh của sự đoàn kết.  <https://youtu.be/lvbjhBj9YE?si=17wNLZTy_jS2BdWx>  + Video các em đã xem ngợi ca về điều gì?  + Đoàn kết là sức mạnh làm nên thành công. Vì vậy, trong thời gian đất nước mới khai sinh còn rất nhiều khó khăn, Bác đã kêu gọi tinh thần đoàn kết của nhân dân trong cả nước để giúp đất nước vượt qua khó khăn lúc bấy giờ. Vậy việc làm đó được thực hiện như thế nào và kết quả ra sao thì hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục được học câu chuyện về lòng yêu nước của những người dân Việt Nam bình thường trong những ngày tháng đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, thể hiện qua bài đọc *Tuần lễ Vàng*.   1. **2. Khám phá** | - HS xem video  - Video ngợi ca về sức mạnh của sự đoàn kết |
| **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu, giọng đọc phù hợp với diễn biến của chuyện.  - Tổ chức cho HS luyện đọc theo hướng dẫn ở các bài học trước. Chia bài đọc thành 3 đoạn:  + Đoạn 1: từ đầu đến *...nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*.  + Đoạn 2: từ *Giữa lúc đồng bào cả nước...* đến *...sự đóng góp của nhân dân.*  + Đoạn 3: phần còn lại.  - GV chú ý hướng dẫn HS nghỉ hơi, nhấn giọng đúng, có giọng đọc phù hợp với nội dung của câu văn, đoạn văn.  - GV yêu cầu HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương.  **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 CH. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các CH tìm hiểu bài.  *1.Ngày 2-9-1945 diễn ra sự kiện gì?*  *2. Khó khăn lớn mà chính quyền non trẻ phải đối mặt khi mới giành được độc lập là gì?*  *3.Người dân cả nước đã ủng hộ chính quyền cách mạng như thế nào?*  *4. Qua bài đọc, em có suy nghĩ gì về sức mạnh của lòng yêu nước?*  - GV mời HS nêu nội dung bài.  **3. Luyện tập, thực hành** | - Hs chia đoạn, đọc nối tiếp đoạn 2 lần:  + Lần 1: sửa lỗi phát âm khi đọc sai  + Lần 2: Đọc chú thích, giải nghĩa một số từ khó có trong bài. (VD: *ngân khố, cân, đồng bạc trắng, hậu duệ, lạng*)  - 4 HS đọc nối tiếp 4 CH, cả lớp đọc thầm.  - HS thảo luận nhóm 2 trả lời các câu hỏi.  - Các nhóm lần lượt trình bày các ý kiến:  *+* Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.  *+* Tiền mặt ở ngân khố cạn kiệt, lại thêm món nợ khổng lồ của chính quyền cũ để lại.  *+* Người dân, không phân biệt giàu nghèo, đều tự nguyện góp vào Quỹ Độc lập những tài sản quý giá nhất. Rất nhiều người có uy tín đã đi đầu trong phong trào này.  + Lòng yêu nước của nhân dân đã tạo nên sức mạnh phi thường, giúp đất nước vượt mọi khó khăn.  - Tinh thần đoàn kết, sẵn sàng cống hiến cho đất nước của người dân Việt Nam qua sự kiện Tuần lễ Vàng tháng 9/1945. |
| - GV mời một số HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc. Có thể tổ chức trò chơi để tăng tính hấp dẫn của phần Luyện đọc lại. VD, đánh số các đoạn, 1 HS đọc đoạn đầu tiên rồi “xì điện” để chỉ định bạn tiếp theo đọc 1 đoạn bất kì,...  - GV hướng dẫn HS điều chỉnh cách đọc khi HS nghỉ hơi, nhấn giọng không đúng hoặc có giọng đọc không phù hợp với nội dung câu, đoạn. VD:  *Tuần lễ Vàng /* ***lan rộng ra cả nước****. // Người dân, /* ***không phân biệt giàu nghèo****, / đều* ***tự nguyện góp*** *vào Quỹ Độc lập / những tài sản* ***quý giá nhất****. // Rất nhiều người có uy tín / đã đi đầu trong phong trào này.*  **4. Vận dụng, trải nghiệm**  - GV nêu câu hỏi: Em sẽ làm gì để góp phần bảo vệ, xây dựng quê hương đất nước?  - Nhắc HS chuẩn bị cho tiết sau. | - 1 số HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn trong bài đọc.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lần lượt nêu ý kiến. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Toán

**LUYỆN TẬP (Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

#### **1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố kĩ năng tính thể tích hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

- Vận dụng giải quyết được một số bài toán thực tế có liên quan.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Bảng phụ, phiếu học tập, hình vẽ trong SGK, bảng nhóm.

- Ti vi, máy tính, bài giảng điện tử.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “**Nói nhanh- đáp đúng”**  - GV thiết kế một số câu hỏi, mời lớp trưởng điều khiển trò chơi. Lớp trưởng nêu các câu hỏi cho HS còn lại đáp. HS đáp đúng được vỗ tay tuyên dương.  *1/ Hãy nêu quy tắc tính thể tích hình hộp chữ nhật?*  *2/ Công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật là a x a x a. Đúng hay sai?*  *3/ Nêu công thức tính thể tích hình lập phương?*  *4/ Thể tích hình lập phương có cạnh 4cm là 64 cm3, đúng hay sai? Vì sao?*  - GV nhận xét, tổng kết trò chơi, giới thiệu bài | | **Hoạt động của học sinh**   * - HS tham gia trò chơi theo hướng dẫn. | |
| **2. Luyện tập, thực hành.** | | |
| **Bài 1**: Tính thể tích hình HCN  - HS đọc yêu cầu, xác định yêu cầu đề bài  - Yêu cầu HS thực hiện bài tập cá nhân vào VBT  - Mời 3 HS nối tiếp chia sẻ kết quả trước lớp  - GV nhận xét, chốt kết quả đúng | - HS đọc yêu cầu bài  - Thực hiện cá nhân vào VBT.  - 3HS làm bài trước lớp  - Cả lớp nhận xét, đặt câu hỏi cho bạn  \*Đáp án: a/8 x 6 x 6 = 288cm3  b/ 1,5 x 0,8 x 0,5 = 0,6 m3  c/ x 2 x 0,6 = 3dm3 | |
| **Bài 2**:Tìm độ dài cạnh còn lại  - Mời HS đọc yêu cầu và quan sát hình SGK.  -Mời HS nêu yêu cầu đề bài    - GV gợi ý: Hình 1: 8 x 5 x ? = 280  Hình 2: ? x 10 x 2 = 280  -Yêu cầu HS trao đổi theo nhóm 4, tìm cách giải và kết quả của bài tập  - Mời một số nhóm trình bày cách làm và kết quả trước lớp.   * - GV nhận xét kết quả, chốt kết quả đúng. | - HS đọc yêu cầu đề bài.  - HS quan sát hình SGK, nêu đề toán:  *+ Hình hộp chữ nhật có thể tích 280cm3. Biết chiều dài là 8cm, chiều rộng là 5 cm. Tính chiều cao của hình hộp chữ nhật?*  *+Hinh hộp chữ nhật có thể tích 280cm3, biết chiều cao 10cm, chiều rộng 2cm. Tính chiều dài của hình hộp chữ nhật đó?*  -HS thực hiện trên bảng nhóm.  - Một số nhóm trình bày kết quả, giải thích cách làm trước lớp, HS còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho bạn.  *Giải thích:*  *-Vì thể tích hình hộp bằng chiều dài nhân chiều rộng rồi nhân chiều cao. Vậy để tìm chiều cao thì lấy thể tích chia cho chiều dài rồi chia cho chiều rộng.*  *Tức là: Chiều cao = 280 : 8 :5 = 7cm*  *- Để tìm chiều dài ta lấy thể tích chia cho chiều rộng và chia cho chiều cao. Tức là:*  *Chiều dài = 280 : 10 : 2 = 14cm* | |
| **3. Vận dụng**  **\*Bài 3: Củng cố cách tính thể tích hình hộp chữ nhật**  - HS đọc yêu cầu.  - GV hỏi:  *+ Để tính thể tích khối đá hình hộp chữ nhật ta làm sao?*  *+ Nếu mỗi mét khối đá nặng 2,7 tấn thì xe tải 15 tấn thì xe tải 15 tấn có thể chở hết được khối đá đó không? Vì sao?*  - Yêu cầu HS thảo luận cặp tìm đáp án cho bài tập  - Một số cặp HS nêu cách giải trước lớp  - Cả lớp nhận xét | - HS đọc yêu cầu đề bài.  - Để tính thể tích khối đá ta lấy 2,5 x 1,6 x 1,2  - Ta lấy cân nặng của mỗi mét khối đá nhân với thể tích của khối đá.    - HS thảo luận theo cặp - giải vào VBT  - HS giải trình đáp án của mình  \* Đáp án:  a) Thể tích khối đá là:  2,5 x 1,6 x 1,2 = 4,8 (m3)   1. Cân nặng của khối đá là:   4,8 x 2,7 =12,96 (tấn)  Vì 12,96 tấn < 15 tấn nên xe tải 15 tấn có thể chở được khối đá đó. | |
| - GV nhận xét tiết học, khen động viên HS. | - HS lắng nghe. | |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Khoa học 2

**QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CON NGƯỜI (TIẾT 3)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Phân biệt được giai đoạn phát triển các giai đoạn phát triển của con người.

- Trình bày được một số đặc điểm của tuổi trưởng thành.

**-** Tìm được thông tin và liên hệ thực tế về sự đóng góp của người ở tuổi trưởng thành đối với gia đình và xã hội.

**2. Năng lực chung.**

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ, thu thập thông tin tìm hiểu về tuổi trưởng thành.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả nhóm.

*- Năng lực khoa học tự nhiên****:*** Phân biệt một số giai đoạn phát triển chính của con người ở tuổi trưởng thành.

**3. Phẩm chất**:

*Nhân ái*: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*Chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. GV:** TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu, tranh ảnh,

**2. HS:** SGK. Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Hoạt động khởi động:**  **Trò chơi: Ô cửa bí mật** | |
| - GV chiếu lên màn hình các ô cửa  Ẩn sau mỗi ô cửa là câu hỏi Khoa học  Bạn nào trả lời đúng ô cửa sẽ mở ra và bạn được nhận một phần quà bí mật ; trả lời sai thì quyền trả lời và phần quà sẽ về bạn khác  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài: Các em đã biết được đặc điểm nổi bật của giai đoạn tuổi ấu thơ và tuổi vị thành niên. Hôm nay các em cùng tìm hiểu tiếp đặc điểm tuổi trưởng thành qua bài 16: Quá trình phát triển của con người. (Tiết3) | ÔC1: Bạn hãy cho biết đặc điểm của tuổi ấu thơ?  Đáp án: Ở tuổi ấu thơ cơ thể phát triển nhanh về thể chất và trí tuệ , hoạt động chủ yếu là vui chơi sau đó chuyển sang học tập.  ÔC2: Tuổi ấu thơ từ độ tuổi nào?  Đáp án: từ lúc mới sinh đến 9 tuổi.  ÔC3: Giai đoạn tuổi vị thành niên bắt đầu từ lứa tuổi nào?  Đáp án: Từ 10 tuổi đến 19 tuổi  ÔC4: Nêu dấu hiệu cho thấy cơ thể đang dậy thì?  ĐA: Dấu hiệu chính là nữ có kinh nguyệt; nam có thể xuất tinh.  ÔC 5: Giai đoạn tuổi trưởng thành ứng với lứa tuổi nào ?  ĐA: Từ 20 tuổi đến 60 tuổi  …  - HS lắng nghe, ghi bài. |
| **2. Hình thành kiến thức mới:**  **a) Mục tiêu:**  Trình bày được một số đặc điểm của tuổi trưởng thành.  **b) Cách thực hiện:** | |
| *Bước 1: Làm việc nhóm*  - Yêu cầu HS dựa vào thông tin ở hình 5, trang 75 SGK, nêu đặc điểm của con người trong độ tuổi trưởng thành.  *Bước 2: Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả làm việc nhóm.  *Bước 2: Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu đại diện mỗi nhóm lên bảng trả lời một trong hai câu hỏi trên  GV tóm tắt lại đặc điểm của tuổi trưởng thành*: “Người ở tuổi trưởng thành chiều cao phát triển đến giới hạn tối đa; có thể tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cuộc sống, có thể xây dựng gia đình riêng, sinh con….; đóng góp sức lao động và trí tuệ cho xã hội.* | - 2- 3 HS đọc  - HS thảo luận nhóm 4 ghi ra phiếu học tập  - Các nhóm dán phiếu lên bảng và báo cáo kết quả thảo luận |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **a) Mục tiêu:**  **-** Củng cố các kiến thức đã học về đặc điểm của tuổi trưởng thành  **b) Cách tiến hành:** | |
| *Bước 1: Làm việc nhóm*  - GV cho HS thảo luận theo nhóm về ND:  + Đặc điểm nào giúp em phân biệt một người ở tuổi trưởng thành với người ở tuổi vị thành niên?  *Bước 2: Làm việc cả lớp:*  - GV cho HS chia sẻ kết quả thảo luận.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  GV chốt kiến thức:  *Tuổi vị thành niên: Người ở tuổi vị thành niên, cơ thể đang phát triển, đang phát triển về trí tuệ, cảm xuc và các mối quan hệ xã hội ; bắt đầu suy nghĩ và hành động độc lập nhưng vẫn phụ thuộc vào gia đình.*  *Ở tuổi trưởng thành của con người chiều cao phát triển tối đa; có thể xây dựng gia đinh, sinh con; chịu trách nhiệm về suy nghĩ, hành vi và cảm xúc của bản thân, gia đình và đóng góp cho xã hội.* | - HS thảo luận theo nhóm theo **kĩ thuật Khăn trải bàn**  - Đại diện mỗi nhóm lên trình bày kết quả thảo luận  - HS lắng nghe, hỏi lại bạn.  *Tuổi vị thành niên: Người ở tuổi vị thành niên, cơ thể đang phát triển: đang lớn và hoàn thiện dần, đang phát triển về trí tuệ, cảm xúc và các mối quan hệ xã hội ; bắt đầu suy nghĩ và hành động độc lập nhưng vẫn phụ thuộc vào gia đình.*  *Ở tuổi trưởng thành của con người chiều cao phát triển tối đa; có thể xây dựng gia đinh, sinh con; chịu trách nhiệm về suy nghĩ, hành vi và cảm xúc của bản thân, gia đình và đóng góp cho xã hội.* |
| **4. Hoạt động vận dụng:**  **a) Mục tiêu:**  - Tìm được thông tin và liên hệ thực tế về sự đóng góp của người ở tuổi trưởng thành đối với gia đình và xã hội.  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| + Chia sẻ thông tin hoặc hình ảnh đã tìm hiểu được về sự đóng góp của người trưởng thành đối với gia đình và xã hội.  + Em cần làm gì từ bây giờ để sau này trở thành người có ích cho gia đình và xã hội?  *GV chốt lại ý chính: Để sau này trở thành người có ích cho gia đình, xã hội, ngay từ bây giờ các em cần phải cố gắng học tập, tiếp thu kiến thức để sau này có thể vận dụng. Đồng thời, các em cũng cần tu dưỡng đạo đức, sống lành mạnh; rèn luyện sức khỏe; chăm chỉ lao động, tích cực làm việc theo sức của mình.*  -Dặn dò: xem lại bài và chuẩn bị bài sau: Tìm thông tin những đóng góp của tuổi già cho gia đình và xã hội . | -HS mang hình ảnh, chia sẻ thông tin ..  VD: Mẹ em là một công nhân may trong nhà máy. Mẹ đã cùng các cô bác công nhân làm ra nhiều quần áo phục vụ cho xã hội tiêu dùng và xuất khẩu. Trong gia đình, mẹ chăm sóc con cái và ông bà…  - HS chia sẻ. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 4: Hoạt động trải nghiệm 2

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ: EM LÀ**

**THÀNH VIÊN TÍCH CỰC CỦA GIA ĐÌNH**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

#### **1. Năng lực đặc thù:**

-Thể hiện được trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình bằng thái độ, lời nói, việc làm cụ thể.

- Tạo được bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.

- Lập và sử dụng được sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình.

\* GDQCN: Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha mẹ.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

- Liên hệ bản thân về những lời nói, việc làm mình đã thực hiện để thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.

- Sáng tạo được Cây trách nhiệm, biết ơn.

- Tự lực, trách nhiệm: chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí, có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Ti vi, máy tính, bài giảng điện tử.

- Giấy A3, bút, bút màu.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đi chợ”  - GV hướng dẫn HS cách chơi:  - GV tổ chức cho HS chơi thử 1 - 2 lần.  - GV tổ chức cho HS thảo luận sau khi chơi:  + Cảm xúc của em khi được đi chợ mua thứ đồ yêu thích cho người thân trong gia đình.  + Theo em, người thân trong gia đình sẽ cảm thấy như thế nào khi nhận được những món đồ từ các em?  + Việc chúng ta mua đồ tặng người thân thể hiện điều gì?  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ. HS lắng nghe nhận xét.  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: Trò chơi đi chợ là một trải nghiệm thú vị để chúng ta hiểu hơn về công việc trong gia đình. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – Tuần 25 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: **Em là thành viên tích cực của gia đình.**  **2. Khám phá**  **Hoạt động 1: Chia sẻ về trách nhiệm và lòng biết ơn với gia đình**  - GV chia HS thành các nhóm, mỗi nhóm (4 – 6 HS).  - GV nêu nhiệm vụ hoạt động: *Chia sẻ với các bạn trong nhóm về những lời nói, việc làm của bản thân thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.*  - GV yêu cầu mỗi nhóm cử một bạn làm thư kí để tập hợp ý kiến của các thành viên. Cả nhóm sắp xếp thành một danh sách những lời nói, việc làm thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.  - GV mời đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm cùng trao đổi về những lời nói, việc làm thể hiện được trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.  - GV nhận xét, ghi nhận đáp án hợp lí:  *+ Thái độ:*   * *Lễ phép.* * *Mong muốn bố mẹ, người thân vui lòng.* * *Trân trọng những gì bố mẹ, người thân làm cho mình...*   *+ Lời nói:*   * *Nói về lòng biết ơn với biểu cảm yêu thương.* * *Nói lời thể hiện sự quan tâm.* * *Nói lời khen ngợi, động viên...*   *+ Việc làm:*   * *Tự giác làm việc nhà.* * *Chủ động làm những món quà nhỏ tặng bố mẹ, người thân vào dịp lễ, dịp đặc biệt.* * *Cố gắng chăm chỉ học tập để bố mẹ, người thân vui lòng...*   - GV mời một số HS bày tỏ cảm xúc khi thực hiện được những lời nói, việc làm đó.  - GV cho HS xem video về cách thể hiện sự quan tâm đến người thân:  <https://youtu.be/_-A5T21Vf50>  - GV đặt câu hỏi cho HS cả lớp:  + Bạn Tí đã có Thái độ như thế nào đối với mẹ và công việc của mẹ?  + Bạn Tí đã có hành động, lời nói gì thể hiện sự biết ơn, quan tâm đối với mẹ?  + Em có nhận xét gì về bạn Tí?  - GV mời một số HS trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:  *+ Bạn Tí có thái độ biết ơn, trân trọng đối với công sức lao động của mẹ cũng như công việc của mẹ để nuôi nấng bạn.*  *+ Bạn Tí đã có lời nói động viên mẹ trong công việc, an ủi mẹ khi có người nói lời không hay về mẹ và công việc của mẹ. Tí đã đi thu gom mảnh gỗ để cài vào chiếc xe rác, giúp mẹ đỡ vất vả hơn. Tí tự giác làm việc nhà giúp mẹ.*  *+ Tí là một người con chăm ngoan, hiếu thảo, biết quan tâm và bày tỏ sự biết ơn đối với mẹ.*  - GV kết luận: *Tình cảm gia đình là món quà quý giá nhất mà mỗi chúng ta có được. Các thành viên trong gia đình cần luôn yêu thương, quan tâm, gắn bó, chăm sóc lẫn nhau. GV khen ngợi các em đã thực hiện được nhiều việc làm, lời nói thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình. Các em hãy tiếp tục phát huy thực hiện những việc làm, lời nói đó nhé!*  **Hoạt động 2: Sáng tạo Cây trách nhiệm, biết ơn**  - GV chia lớp thành các nhóm (có thể là các nhóm đã chia ở Hoạt động 1).  - GV tổ chức cho các nhóm thảo luận để sáng tạo *Cây trách nhiệm, biết ơn.*  - GV hướng dẫn cụ thể như sau:  + Mỗi nhóm vẽ một hình cây vào giấy khổ lớn.  + Viết vào các mảnh giấy nhỏ những lời nói, thái độ, việc làm thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn của em với các thành viên trong gia đình.  + Dán các mảnh giấy nhỏ lên cây đã về.  + Trang trí cho cây thật sinh động.  - GV tổ chức cho các nhóm trưng bày sản phẩm. Các nhóm cử đại diện giới thiệu về *Cây trách nhiệm, biết ơn* và chia sẻ về những nội dung nhóm mình đã viết.  - GV kết luận: *Các em hãy tích cực thực hiện những lời nói, thái độ, việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi để thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.*  **3. Luyên tập, thực hành**  ***Bài tập trắc nghiệm:***  - GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:  **Câu 1:** Ý nghĩa của việc thể hiện sự biết ơn đối với người thân là gì?  A. Được nhiều người ngưỡng mộ.  B. Được mọi người tín nhiệm.  C. Nâng cao giá trị bản thân.  D. Xây dựng mối quan hệ gắn bó, yêu thương.  **Câu 2:** Biểu hiện của việc biết ơn người thân trong gia đình là gì?  A. Gia đình thiếu sự gắn kết.  B. Bố mẹ không quan tâm đến con cái.  C. Con cái cãi và không nghe lời bố mẹ.  D. Con cái sản sẻ, giúp đỡ bố mẹ những việc nhỏ trong gia đình.  **Câu 3:** Sự biết ơn đối với người thân có tác dụng gì?  A. Gắn chặt tình cảm và mối quan hệ của các thành viên trong gia đình.  B. Tạo không khí chan hòa cho các thành viên trong gia đình cùng nhau giải trí.  C. Các thành viên trong gia đình nhận thức rõ được vị trí, vai trò của bản thân.  D. Các mối quan hệ trong gia đình được mở rộng ra bên ngoài.  **Câu 4:** Nội dung nào dưới đây không phải việc làm thể hiện lòng biết ơn đối với người thân?  A. Quan tâm, chăm sóc người thân khi bị ốm.  B. Tự giác giúp đỡ người lớn tuổi và trẻ nhỏ trong nhà.  C. Chỉ tự giác hoàn thành công việc của bản thân.  D. Tham gia nhiệt tình các hoạt động chung của gia đình.  **Câu 5:** Nội dung nào dưới đây không hành động, lời nói thể hiện lòng biết ơn đối với người thân trong gia đình?  A. Để người thân tự vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.  B. Chủ động tâm sự với người thân khi họ có các vấn đề về tinh thần.  C. Hỏi thăm đến tình trạng sức khỏe hàng ngày của người thân.  D. Quan tâm đến vấn đề tâm lí của người thân hàng ngày.  - GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | | **Đáp án** | **D** | **D** | **A** | **C** | **A** |   **4. Vận dụng**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  \*GDQCN: Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha mẹ  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Chuẩn bị cho tiết Sinh hoạt lớp. | - HS chơi trò chơi.  - HS chơi thử  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.  - HS làm việc nhóm.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS bày tỏ cảm xúc.  - HS xem video.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS làm việc nhóm.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS trưng bày  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm việc cá nhân  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu  - HS lắng nghe, ghi chú. |

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1: Thể dục

*( Đ/c Hồng soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Âm nhạc

*( Đ/c Hiền soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Kĩ năng sống

*( Đ/c GV chuyên soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ năm ngày 13 tháng 3 năm 2025

Buổi sáng

Tiết 1: Tiếng Việt

**LTVC: ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được điệp từ, điệp ngữ; hiểu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ; bổ sung được từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành điệp từ, điệp ngữ trong đoạn văn.

- Hiểu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ trong đoạn văn, đoạn thơ; bước đầu biết sử dụng từ ngữ để tạo thành điệp từ, điệp ngữ.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết thảo luận nhóm về các điệp từ, điệp ngữ), NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: nhận biết điệp từ, điệp ngữ trong câu; sử dụng được điệp từ, điệp ngữ để viết đoạn văn).

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng ý thức ham học, ham tìm hiểu.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: Máy tính, tivi; phiếu học tập cho HS.

- HS chuẩn bị: *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 5* (NXB ĐHSP TPHCM) hoặc từ điển tiếng Việt.

**III. Các hoạt động dạy học :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV mở cho HS xem video “Người tôi yêu tôi thương”  <https://youtu.be/Q43WMNKypGU?si=MMC7wpEwp9Y6Srlg>  + Trong bài hát từ nào được lặp lại?  + Từ ngữ đó được lặp lại cho em biết điều gì?  - Từ ngữ được lặp lại nhiều lần được xem là một biện pháp sử dụng từ ngữ để tăng hiệu quả của lời nói hoặc câu văn, câu thơ, đó là biện pháp điệp từ, điệp ngữ. Vậy Điệp từ, điệp ngữ là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu nhé!  **2. Khám phá** | - HS xem video  - Từ được lặp lại là “Người tôi yêu tôi thương”  - Từ ngữ đó được lặp lại nhằm nhấn mạnh người mình yêu mình thương. |
| **\* Hoạt động 1: Nhận xét** a) Tìm những từ ngữ được lặp lại trong bài thơ (BT 1) - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và bài thơ trong BT 1. Cả lớp đọc thầm theo.  - HS làm việc cá nhân để tìm ra các từ ngữ được lặp lại trong bài thơ.  - GV mời 1 – 2 HS nêu kết quả làm bài trước lớp.  - GV NX, tuyên dương b) Tìm hiểu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ (BT 2) - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 2.  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm đôi để trả lời CH của BT.  - GV yêu cầu 1 – 2 HS trả lời CH trước lớp.  - GV chốt đáp án đúng.  **\* Hoạt động 2: Rút ra bài học**  - GV: Các từ ngữ được lặp lại trong bài thơ ở BT 1 là các điệp từ, điệp ngữ. Vậy, ai có thể cho biết: Biện pháp điệp từ, điệp ngữ là gì? Điệp từ, điệp ngữ có tác dụng gì?  - GV mời 1 – 2 HS đọc to bài học trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.  **3. Luyện tập, thực hành** | - 1HS đọc BT 1, lớp đọc thầm  - HS làm cá nhân  - HS lần lượt trình bày, các HS khác nhận xét, góp ý.  - 1 HS đọc BT2  - HS thảo luận nhóm đôi  - Đại diện các nhóm trình bày: Việc lặp lại các từ ngữ như trên có tác dụng làm nổi bật tình yêu gia đình, quê hương, đất nước của bạn nhỏ trong bài thơ.  - HS trình bày ý kiến  - HS đọc nội dung bài |
| **BT1: Tìm điệp từ, điệp ngữ trong khổ thơ**  - 1 - 2 HS đọc yêu cầu của đề bài.  - GV cho HS làm bài vào vở  - GV NX, tuyên dương  **BT2: Thêm từ ngữ vào  để tạo thành điệp từ, điệp ngữ (BT 2)**  - GV tổ chức cho HS đọc BT và tìm hiểu BT  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi: tìm từ ngữ thích hợp thay cho mỗi kí hiệu  để tạo thành điệp từ, điệp ngữ.  - GV mời 2 – 3 HS đọc to bài làm của mình.  - GV cho HS nhận xét, sửa lỗi cho bạn (nếu có).  - GV chốt đáp án đúng.  **4. Vận dụng, trải nghiệm**  - Gv cho cả lớp hát bài “Người tôi yêu tôi thương”  - GV nhận xét tiết học. | - HS đọc yêu cầu BT1  - HS làm bài vào vở; 2-3 HS trình bày bài làm.  + Các điệp từ trong khổ thơ là *tức thì* và *nổi*.  + Tác dụng của các điệp từ trên là nhấn mạnh ý: ngay lập tức các âm thanh vui mừng vang lên hưởng ứng tiếng chim báo tin xuân đến.  - HS đọc BT  - HS thảo luận nhóm đôi  - Đại diện các nhóm trình bày KQ thảo luận.  a) Buổi sáng, em thức giấc, bước ra vườn. Khu vườn nhỏ tràn ngập nắng. **Nắng** nhảy nhót trên tán lá xanh. **Nắng** dệt những sợi tơ mỏng manh trên thảm cỏ. **Nắng** đọng vàng óng trên những bông cúc đại đoá kiêu sa.  b) Mâm cỗ đón Trăng đang lặng lẽ toả hương. Hương thơm dịu mát của trái bưởi vàng rám nắng. **Hương thơm** ngọt ngào của trái thị vàng ươm. **Hương thơm** nồng nàn của những trái ổi ruột đỏ hồng đào,… Tất cả hoà quyện với nhau tạo nên hương vị mùa thu.  - Cả lớp thực hiện. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Toán

**LUYỆN TẬP (Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố kĩ năng tính thể tích hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

- Vận dụng giải quyết được một số bài toán thực tế có liên quan.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Ti vi, máy tính, bài giảng điện tử.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động** | |
| - GV dẫn dắt vào bài. | |
| **2. Luyện tập, thực hành.** | |
| **Bài 4:** Tính thể tích  - GV chiếu 3 hình như SGK, yêu cầu HS quan sát    - Để tính được thể tích của các hình bên, ta làm sao?  - GV chia lớp làm 3 dãy:  + Dãy 1: Hình A Dãy 2: Hình B Dãy 3: Hình C  - Mời 3 HS thực hiện chia sẻ kết quả trên bảng  -Cả lớp cùng nhận xét đánh giá | - HS quan sát hình, đọc yêu cầu đề bài  - Ta chia các hình ra, tính thể tích từng hình đã chia rồi cộng kết quả lại  *+ Hình A chia thành 1 hình lập phương cạnh 3cm và 1 hình hộp chữ nhật có chiều dài 5cm, chiều rộng 4cm, chiều cao 6cm*  *+ Hình B chia thành 1 hình lập phương cạnh 6cm, 1 hình hộp chữ nhật chiều dài 11cm, chiều rộng 9cm, chiều cao 2cm*  *+ Hình C chia thành 2 hình hộp chữ nhật có chiều dài 7cm, chiều rộng 4cm, chiều cao 3cm và 1 hình hộp chữ nhật có chiều dài 15cm, chiều rộng (10-7=3cm), chiều cao 3cm*  - HS thực hiện cá nhân vào VBT theo yêu cầu.  - 3HS nối tiếp sửa bài trên bảng lớp.  - HS quan sát, cùng đóng góp ý kiến và đặt câu hỏi cho bạn |
| * **Bài 5:** Quan sát hình vẽ   - GV trình chiếu hình vẽ    - *Để biết được thể tích viên đá, ta làm thế nào?*  -Yêu cầu HS trao đổi theo cặp tìm câu trả lời cho câu hỏi trên?  - GV nhận xét, chốt kết quả đúng  - Tương tự cách làm trên, GV yêu cầu học sinh thảo luận để giải đáp câu b và c  - Lớp trưởng điều khiển chia sẻ kết quả bằng cách giơ kết quả đúng.  **c/** Mời HS hỏi- đáp  - GV hỏi: Vậy để tính các hình khối không có hình dạng tiêu chuẩn (như củ khoai, viên đá, quả cam,..) ta làm thế nào để tính được?  - GV nhấn mạnh cách tính các khối hình không có hình dạng “tiêu chuẩn” | - HS quan sát hình vẽ, đọc yêu cầu câu 5a  - HS trao đổi theo cặp  - Một số HS trình bày ý kiến cá nhân  - Cả lớp nhận xét, góp ý và rút ra cách thực hiện:  *+ Ta tích thể tích nước ở 2 bể, sau đó lấy thể tích nước ở bể có chứa đá trừ cho thể tích nước ở bể không chứa đá.*  *+ Hoặc: Lấy chiều cao mức nướcở bể có đá trừ chiều cao mức nước ở bể không có đá: 8 – 5 = 3cm. Sau đó tính thể tích viên đá” 10 x 10 x 3= 300cm3*  - HS thảo luận cặp để giải đáp câu b và c.  - Một số HS chia sẻ kết quả, HS còn lại đặt câu hỏi theo yêu cầu  - Cả lớp nêu kết quả của mình (bảng con, bảng nhóm,..)  **Đáp án: b/**  *Chiều cao: 11-10=1cm*  *Thể tích củ khoai tây: 15 x 10 x 1 = 150 cm3*  c/ Đặt câu hỏi:  *- Thể tích của khối tròn màu vàng và màu tím là bao nhiêu? ( 7cm3)*  *- 3 Khối tròn màu tím có thể tích bao nhiêu?(13-7 = 6cm3)*  *- 1 Khối tròn màu tím có thể tích bao nhiêu?( 2cm3)*  *- Khối tròn màu vàng có thể tích bao nhiêu? (5cm3) …*  - Ta đặt vật đó vào một khối hộp dạng hình hộp chữ nhật hoặc hình lập phương. Dựa vào thể tích của 2 hình trên để tính. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm.** | |
| Bài 6: HS đọc yêu cầu  - GV tổ chức bằng trò chơi “ **Ai tính nhanh”**  - GV lần lượt nêu yêu cầu câu a/ HS thực hiện tính. Ai đưa nhanh kết quả đúng, chiến thắng  **Đề bài:** Thùng xăng hình HCN có dài 7dm, rộng 4dm và cao 2,5dm   1. Hỏi thùng xăng chứa tối đa bao nhiêu lít xăng? 2. Giá bán mỗi lít là 22600 đồng. Muốn đổ đầy thùng xăng cần bao nhiêu tiền?   - Tổng kết trò chơi, tuyên dương HS. | - HS lắng nghe đề bài.  - HS tham gia trò chơi.  - HS giơ kết quả.  a/ 7 x 4 x 2,5 = 70 dm3 = 70 lít  b/ 22600 x 70 = 1 582 000 đồng |
| - GV nhận xét tiết học, khen động viên học sinh. | - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có )** .............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Toán tăng

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Tiếp tục củng cố cho HS về cách tính DT xq và DT tp của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

-Rèn kĩ năng trình bày bài.

**2. Năng lực chung**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực, có trách nhiệm trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Hệ thống bài tập, máy tính, ti vi.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động:**  - Cho HS nêu cách tính  + DTxq hình hộp CN, hình lập phương.  + DTtp hình hộp CN, hình lập phương.  - Cho HS lên bảng viết công thức  **2. Thực hành.**  - GV cho HS đọc kĩ đề bài.  - Cho HS làm bài tập.  -Gọi HS lần lượt lên chữa bài  - GV giúp đỡ HS chậm.  - GV chấm một số bài và nhận xét.  **Bài tập1**: Hình lập phương thứ nhất có cạnh 8 cm, Hình lập phương thứ hai có cạnh 6 cm. Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của mỗi hình lập phương đó?  **Bài tập 2**: Một cái thùng không nắp có dạng hình lập phương có cạnh 7,5 dm. Người ta quét sơn toàn bộ mặt trong và ngoài của thùng dó. Tính diện tích quét sơn?  **Bài tập3:**  Người ta đóng một thùng gỗ hình lập phương có cạnh 4,5dm.  a)Tính diện tích gỗ để đóng chiếc thùng đó?  b) Tính tiền mua gỗ, biết cứ 10 dm2có giá 45000 đồng.  **3. Vận dụng**  - Về nhà tìm một đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật hoặc hình lập phương rồi tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của khối hộp đó.  GV nhận xét giờ học và dặn HS chuẩn bị bài sau. | - HS nêu cách tính DTxq, DTtp hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  - HS lên bảng viết công thức tính DTxq, DTtp hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  \* Sxq = chu vi đáy x chiều cao  \* Stp = Sxq + S2 đáy  Hình lập phương : Sxq = S1mặt x 4  Stp = S1mặt x 6.  - HS đọc kĩ đề bài.  - HS làm bài tập.  -HS lần lượt lên chữa bài  ***Lời giải :***  Diện tích xung quanh hình lập phương thứ nhất là: 8 x 8 x 4 = 256 (cm2)  Diện tích toàn phần hình lập phương thứ nhất là: 8 x 8 x 6 = 384 (cm2)  Diện tích xung quanh hình lập phương thứ hai là: 6 x 6 x 4 = 144 (cm2)  Diện tích toàn phần hình lập phương thứ hai là: 6 x 6 x 6 = 216 (cm2)  Đáp số: 256 cm2, 384 cm2  144 cm2, 216 cm2  ***Lời giải:***  Diện tích toàn phần của cái thùng hình lập phương là: 7,5 x 7,5 x 5 = 281,25 (dm2)  Diện tích quét sơn của cái thùng hình lập phương là: 281,25 x 2 = 562,5 (dm2)  Đáp số: 562,5 dm2  ***Lời giải:***  Diện tích gỗ để đóng chiếc thùng đó là:  4,5 x 4,5 x 6 = 121,5 (dm2)  Số tiền mua gỗ hết là:  45000 x (121,5 : 10) = 546750 (đồng)  Đáp số: 546750 đồng.  - HS chuẩn bị bài sau.  - HS lắng nghe và ghi nhớ. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 4: Đạo đức

**EM NHẬN BIẾT BIỂU HIỆN XÂM HẠI ( tiết 1)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

- Nêu được một số biểu hiện xâm hại.

- Biết vì sao phải phòng, tránh xâm hại.

**2. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học.

- Giao tiếp và hợp tác: Xác định được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được vì sao phải phòng, tránh xâm hại.

- Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Nêu được một số biểu hiện xâm hại.

- Trung thực: Đánh giá khách quan các hành vi, nguy cơ xâm hại.

- Trách nhiệm: Bảo vệ bản thân và mọi người khỏi nguy cơ xâm hại.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bài giảng điện tử, máy tính, ti vi.

- Các video clip liên quan đến biểu hiện xâm hại.

- Tranh, hình ảnh về biểu hiện xâm hại.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động**  - GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời: *Chia sẻ cùng bạn những hiểu biết của em về xâm hại trẻ em.*  - GV mời một số HS trả lời. HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu có.  - GV chưa đánh giá đáp án đúng sai để HS tìm hiểu và kiểm chứng khi học bài mới. | - HS trả lời. |
| - GV dẫn dắt HS vào bài học:*Cơ thể của chúng. ta thuộc về chính chúng ta. Không ai có quyền làm bất cứ điều gì với cơ thể chúng ta mà khiến ta khó chịu. Bài học****“Em nhận biết biểu hiện xâm hại”****sẽ giúp các em biết cách nguy cơ xâm hại để bảo vệ bản thân mình.*  **2. Khám phá**  **Hoạt động 1: Kể chuyện theo tranh và thực hiện yêu cầu**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK tr.47:  Tech12h  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi và trả lời các câu hỏi:  *a. Những biểu hiện xâm hại nào đang diễn ra trong câu chuyện trên?*  *b. Kể thêm các biểu hiện xâm hại trẻ em mà em biết.*  - GV mời đại diện 3 – 4 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra đáp án tham khảo:  *a. Các biểu hiện xâm hại đang diễn ra trong câu chuyện:*  *+ bóc lột trẻ em (hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật, hành vi sử dụng trẻ em để trục lợi).*  *+ bạo lực trẻ em (hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của trẻ em).*  *b. Các biểu hiện xâm hại trẻ em như: xâm hại tình dục, bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần, bị bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận*  - GV trình chiếu cho HS xem video để nâng cao nhận biết biểu hiện xâm hại:  https://www.facebook.com/watch/?v=3008381582727439  **Hoạt động 2: Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu**  **a. Mục tiêu:** HS nhận biết được tác hại của xâm hại trẻ em và vì sao phải phòng, tránh xâm hại.  **b. Cách tiến hành:**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm (4 - 6 HS/nhóm).  - GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin trong SGK tr.48 và trả lời câu hỏi:  *a. Em hãy nêu tác hại của xâm hại trẻ em.*  *b. Theo em, vì sao phải phòng, tránh xâm hại trẻ em?*  Tech12h  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, HS còn lại lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.  - GV ghi nhận đáp án hợp lí:  *a. Tác hại của xâm hại đối với trẻ em: bị rối loạn tâm lí với các dấu hiệu sợ hãi, tránh né, xa lánh mọi người, ngại giao tiếp, xấu hổ, mặc cảm, mất niềm tin vào bản thân và cuộc sống, có hành vi tự hại, khó kiểm soát cảm xúc và hành vi, mất hứng thú với mọi việc, ám ảnh, mệt mỏi,…*  *b. Cần phải phòng, tránh xâm hại trẻ em vì:*  *+ Bảo vệ trẻ em, bảo vệ tương lai của đất nước, bảo vệ trật tự an ninh xã hội;*  *+ Xâm hại trẻ em gây ra những hậu quả nghiêm trọng đến tinh thần và thể chất của trẻ em, ảnh hưởng sâu sắc đến trẻ em lẫn người thân của trẻ em, gây hoang mang cộng đồng;*  *+ Xâm hại không chỉ gây tổn thương cơ thể mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng học tập, hoà nhập gia đình, xã hội và sức khoẻ tinh thần của trẻ em;…*  - GV giới thiệu cho HS về cơ quan chức năng bảo vệ trẻ em:  https://www.facebook.com/watch/?v=1002834821551756  **3. Vận dụng**  - GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi sau:  - Thế nào là xâm hại trẻ em?  - Nêu các hành vi xâm hại mà em biết?  - Gv nhận xét tiết học | - HS quan sát tranh.                - HS thảo luận nhóm đôi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.          - HS trả lời.    - HS lắng nghe, tiếp thu.            - HS xem video.                  - HS lắng nghe câu hỏi.                              HS trình bày.          - HS lắng nghe, tiếp thu.        HS xem video.        - HS lắng nghe, trả lời câu hỏi. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1: Tiếng Việt

**BÀI VIẾT 2: TRẢ BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH**

### **I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

Dựa vào nhận xét và hướng dẫn của GV, nhận biết được ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của bản thân, tự sửa được các lỗi về cấu tạo và nội dung của bài văn, chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- Biết thể hiện lại một số ý trong bài văn để có một số câu văn sinh động, gợi cảm hơn.

- Phát hiện được một số chi tiết hay trong bài viết của bạn.

**2. Năng lực chung**

Góp phần phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (khi tham gia phát hiện lỗi, chữa bài, viết lại đoạn văn trong bài).

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: máy tính, tivi, bài trình chiếu.

**II.Các hoạt động dạy học :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - GV giới thiệu bài, nêu YCCĐ của bài  **2. Luyện tập, thực hành** | - HS lắng nghe, nắm YCCĐ |
| **\* Hoạt động 1:** Nghe nhận xét chung về bài làm của cả lớp  - GV nhận xét chung về bài viết của cả lớp:  + Ưu điểm, nhược điểm chung của cả lớp.  + Những lỗi điển hình về bố cục, nội dung, dùng từ, đặt câu, chính tả.  + Tuyên dương những HS có bài viết hay, có tiến bộ nổi bật về bài viết.  + Chọn đọc một đoạn văn (hoặc toàn bài văn) hay trước lớp. \* Hoạt động 2: Sửa bài cùng cả lớp - GV tổ chức cho HS sửa một số lỗi điển hình (về bố cục, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả) của lớp.  Lưu ý: + Xây dựng các BT sửa lỗi với ngữ liệu từ bài viết của HS.  + Có thể tổ chức HĐ nhóm hoặc HĐ lớp. \* Hoạt động 3: Tự sửa bài, viết lại đoạn văn - GV hướng dẫn HS tự sửa bài viết của mình:  + Đọc kĩ nhận xét của GV về bài viết của mình.  + Tự sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả trong bài.  + Lựa chọn, viết lại một đoạn văn.  **\* Hoạt động 4: Đổi bài cho bạn để kiểm tra việc sửa lỗi**  - HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý cho nhau để hoàn thiện bài viết.  - GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả sửa bài. GV có thể mời HS khác nêu ý kiến; - GV nhận xét, bổ sung ý kiến để HS tiếp tục hoàn thiện bài viết.  **3. Vận dụng, trải nghiệm**  - GV yêu cầu HS tham khảo thêm 1 số đoạn viết của bạn ngoài giờ học.  - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe nhận xét từ GV.  - HS sửa lỗi bài viết của bạn và của mình  - HS tự sửa bài viết của mình theo nhận xét của GV, viết lại 1 đoạn hoàn chỉnh.  - HS làm nhóm đôi, đổi vở KT việc sửa lỗi của nhau.  - HS lần lượt đứng lên báo cáo kết quả sửa bài.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Tiếng Việt( tăng )

**LUYỆN TẬP VỀ ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển năng lực đặc thù**

- Củng cố biện pháp điệp từ, điệp ngữ; tác dụng của phép điệp từ, điệp ngữ trong đoạn văn, đoạn thơ.

- Bổ sung được từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành điệp từ, điệp ngữ trong đoạn văn.

- Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc, trong đó có sử dụng điệp từ, điệp ngữ.

- Vận dụng làm tốt các bài tập dạng bài biện pháp điệp từ, điệp ngữ.

- Giáo dục HS yêu thích môn học, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (qua việc trao đổi, thảo luận trong nhóm, trước lớp), NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (qua việc thay đổi vai kể, thay đổi từ ngữ trong câu chuyện).

- Bồi dưỡng PC trách nhiệm, yêu nước (thông qua suy nghĩ, lời nói và việc làm của một bạn thiếu nhi có tấm lòng nhân ái, trung thực, có ý thức trách nhiệm).

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề

và sáng tạo. Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Giáo án điện tử

- HS: Sách giáo khoa, vở viết...

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** **Hoạt động khởi động:**  - Cho HS hát và vận động theo lời bài hát “Tổ quốc gọi tên mình”  - Tìm các từ ngữ được lặp lại trong bài hát.  - Việc lặp lại các từ ngữ như trên có tác dụng gì?  - Những từ ngữ lặp lại được gọi là gì?  - Biện pháp điệp từ, điệp ngữ là gì?  - GV nhận xét  - Củng cố cách sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ.  **2. Hoạt động thực hành**  **Bài 1:** Tìm và nêu tác dụng của điệp từ trong khổ thơ sau:  Chợt một tiếng chim kêu:  – Chíp chiu chiu! Xuân đến  Tức thì trăm ngọn suối  Nối róc rách reo mừng  Tức thì ngàn chim muông  Nổi hát ca vang dậy.  VÕ QUẢNG  - Gọi HS đọc đề và phân tích bài.  - Yêu cầu HS nêu cách làm.  - Tổ chức cho HS làm bài, chữa bài.  - GV nhận xét, chốt bài làm đúng.  *Củng cố tác dụng của điệp từ, điệp ngữ.*  **Bài 2:** a)Tìm những từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống trong đoạn trích:  Người ta đi cấy lấy công  Tôi nay đi cấy còn (1) nhiều bề.  (2) trời, (3)đất, (4) mây,  (5) mưa, (6) nắng, (7) ngày, (8) đêm.  (9) cho chân cứng đá mềm,  Trời yên, biển lặng mới yên tấm lòng.  (đợi, trông, chờ)  b) Nêu tác dụng của việc sử dụng từ em đã chọn    *Củng cố cách sử dụng điệp từ, điệp ngữ.*  **Bài 3:** Tìm và nêu tác dụng nhấn mạnh ý và bộc lộ tình cảm của tác giả qua cách dùng các điệp ngữ ở câu văn sau:  “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.”  *Hồ Chí Minh*  GV chốt: Các điệp ngữ” ham muốn, hoàn toàn, ai”muốn nhấn mạnh ý niềm khát khao tột bậc của Bác Hồ là đất nước được độc lập, tự do và nhân dân được ấm no, hạnh phúc. Những điệp ngữ ấy cũng góp phần bộc lộ tình cảm yêu nước, thương dân thật cao quý của Bác Hồ vĩ đại.  *Củng cố tác dụng của điệp từ, điệp ngữ.*  **Bài 4:** Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) tả một phong cảnh em thích trong đó có sử dụng điệp từ, điệp ngữ. Chỉ ra điệp từ, điệp ngữ được sử dụng trong đoạn văn đó.  - Củng cố cho HS cách viết đoạn và cách sử dụng điệp từ, điệp ngữ. | - HS thực hiện  - HS nêu: Tổ quốc, Tổ quốc của tôi  - Làm nổi bật ý, tạo sự nhịp nhàng cho câu,  đoạn văn, đoạn thơ: khẳng định tình yêu đất  nước, chủ quyền dân tộc.  -Từ ngữ lặp lại được gọi là điệp từ, điệp ngữ.  - Biện pháp điệp từ, điệp ngữ là cách người  nói hoặc người viết lặp lại một hoặc một số  từ ngữ nhằm làm nổi bật một nội dung trong  bài nói hoặc bài viết.  - HS đọc, xác định yêu cầu  - HS suy nghĩ, nêu miệng kết quả:  **+** Từ được lặp lại trong đoạn thơ là từ: Tức thì  **+** Việc lặp này giúp người đọc cảm nhận được  sự khẩn trương và nhanh chóng của các sự vật  được nhắc đến.  -HS nhận xét.  - HS đọc, nêu yêu cầu của bài tập.  - HS suy nghĩ, nêu miệng đáp án.  - 1 số HS trình bày.  \*Đáp án:  a) Người ta đi cấy lấy công  Tôi nay đi cây còn trông nhiều bề.  Trông trời, trông đất, trông mây,  Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm,  Trông cho chân cứng đá mềm,  Trời êm, bể lặng mới yên tâm lòng.  b) Tác dụng: tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự  diễn đạt. Nhấn mạnh nỗi lo âu về thời tiết của  người làm nghề nông. Đồng thời, gợi ra sự vất vả, khó nhọc  trong công việc của họ. Họ luôn phải ở trong tư  thế sẵn sàng để đối mặt với các hiện tượng thiên  nhiên mỗi khi đến vụ mùa.  - HS đọc, nêu yêu cầu của bài tập.  - HS làm bài cá nhân vào vở.  - 1 số HS trình bày.  Đáp án:  - Điệp từ: ham muốn, hoàn toàn, tự do.  - Các từ trên có tác dụng thể hiện khát khao tột  bậc của Bác Hồ là đất nước được độc lập, tự do  và nhân dân được ấm no, hạnh phúc.  - HS tự đánh giá + nhận xét bài của bạn.  - HS đọc, xác định yêu cầu.  - Viết bài cá nhân vào vở.  - Chia sẻ bài viết trước lớp. |

Đứng trên ngọn đồi hoa sim nở tím biếc, em có thể ngắm nhìn toàn cảnh ngôi làng nhỏ - quê ngoại yêu dấu của em. Có những ngôi nhà gạch có mái ngói đỏ tươi, có khoảng sân rộng bằng xi măng ở phía trước. Có cả một vườn rau với cái ao bèo phía sau nhà. Con đường trong làng giờ đã rộng hơn trước, nhưng vẫn khá ngoằn nghoèo và khúc khuỷu. Những cột điện đứng nép hai bên đường. Cuối làng là một cánh đồng rộng lớn, trồng đầy lạc, củ đậu và su hào. Những người dân trong làng ai cũng hiền lành và dễ mến. Mỗi khi có ai ở xa về, họ lại niềm nở đón chào, gửi tặng những món quà nặng tình láng giềng. Trong buổi chiều tà, sương giăng kín mít. Những mái nhà lại hắt lên ánh đèn vàng ấm áp. Khung cảnh ấy thật bình yên quá đỗi. Yêu biết bao nhiêu quê hương này của em!

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Vận dụng – sáng tạo**  -Dựa vào bài thơ “ngôi nhà” của tác giả Tô Hà, viết 2-3 câu văn hoặc sáng tác 4-6 dòng thơ bày tỏ tình cảm về ngôi nhà em ở trong đó có sử dụng điệp từ, điệp ngữ.  - Thế nào là điệp từ, điệp ngữ?  - GV hệ thống lại kiến thức đã ôn. Dặn HS ôn bài. | - HS vận dụng, thực hiện.  - HS trả lời. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Lịch sử và địa lí

**NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DAN LÀO**

**VÀ VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA ( Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Xác định được vị trí, địa lí của nước Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Cam-pu-chia.

- Sưu tầm một số tư liệu ( tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,..), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của nước Cam-pu-chia.

**2. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: sưu tầm, tổng hợp, sắp xếp và trình bày về một công trình kiến trúc tiêu biểu.

- Giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: có ý thức tôn trọng, bảo vệ các công trình kiến trúc và giá trị văn hóa, lịch sử.

- Chăm chỉ: hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Giáo viên**

- Bản đồ/ Lược đồ tự nhiên Cam-pu-chia.

- Tranh ảnh về thiên nhiên, một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Cam-pu-chia.

- Ti vi, máy tính, bài giảng điện tử.

**2. Học sinh**

- Tranh ảnh về thiên nhiên, một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Cam-pu-chia.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV kiểm tra:  + Vị trí địa lí của Lào.  + Một số đặc điểm về tự nhiên, dân cư của Lào.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh:  + Chia sẻ những gì em biết về Cam-pu-chia.  - GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu bài:  Tiết học vừa rồi, chúng ta đã được tìm hiểu về đất nước Lào, một đất nước giáp ở phía tây nước ta. Trong tiết hôm nay các em sẽ được tìm hiểu về đất nước cũng giáp ở phía tây nước ta – đất nước Cam-pu-chia. Qua bài học chúng ta sẽ biết được về vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Cam-pu-chia, tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu ở Cam-pu-chia. | + HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| 1. **2. Khám phá**   **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí của Cam-pu-chia** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp tìm hiểu nội dung sau:  + Xác định vị trí của nước Cam-pu-chia trên lược đồ hình 5 trang 86.  - GV yêu cầu đại diện cặp HS trình bày kết quả, kết hợp chỉ bản đồ, lược đồ về vị trí địa lí của nước Cam-pu-chia.  - GV gọi các cặp HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ.  - GV chuẩn xác kiến thức về vị trí địa lí của Cam-pu-chia. | - HS làm việc theo cặp  - HS xác định vị trí trên lược đồ.  - HS trình bày kết quả  Cam-pu-chia nằm ở khu vực Đông Nam Á, giáp Lào, Thái Lan, Việt Nam; phía nam giáp biển  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia.** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời các câu hỏi:  + Quan sát hình 5,6 trang 86-87 SGK, em hãy trình bày một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Cam-pu-chia.  + Đọc thông tin, em hãy trình bày một số đặc điểm về dân cư của Cam-pu-chia.    - GV yêu cầu các cặp HS trình bày kết quả, kết hợp chỉ bản đồ, lược đồ về địa hình, dân cư của Cam-pu-chia.  - GV gọi các cặp HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ.  - GV chuẩn xác kiến thức về tự nhiên, dân cư của Cam-pu-chia | - HS làm việc theo cặp  - HS trả lời:  + Tự nhiên: địa hình chủ yếu là đồng bằng; khí hậu nhiệt đới gió mùa với thời gian mùa mưa và mùa khô tương đối bằng nhau; diện tích rừng còn nhiều; rừng có nhiều gỗ và chim, thú quý: gấu, hổ, báo, hươu,...  + Dân cư: số dân năm 2021 là 15,7 triệu người, phần lớn dân cư là người Khơ-me; dân cư phân bố tập trung ở đồng bằng.  - HS trình bày kết quả  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu một số công trình tiêu biểu** | |
| - GV chia lớp thành các nhóm và đánh số cho các nhóm, yêu cầu:  + Nhóm chẵn: Tìm hiểu và mô tả về cố đô Ăng-co Vát.  + Nhóm lẻ: Tìm hiểu và mô tả về Tượng đài hữu nghị Việt Nam-- Cam-pu-chia,....  - GV gọi đại diện các nhóm mô tả về công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia, có dẫn chứng bằng tranh ảnh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. | - HS làm việc theo nhóm đã chia.  - HS trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung. |
| 1. **3. Luyện tập, thực hành** | |
| - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6 với 2 câu hỏi:  + a) Kể tên kết hợp chỉ trên lược đồ ( hình 1 hoặc hình 5) khu vực đồng bằng, một số dãy núi, sông, hồ lớn của Cam-pu-chia.  b) Tóm tắt thông tin về Cam-pu-chia theo bảng gợi ý trang 88 SGK vào vở ghi.  - GV gọi 1-2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  - GV biểu dương nhóm chỉ bản đồ đúng, nhóm trả lời câu 2 một cách sáng tạo.  **4. Vận dụng**  - GV mời HS nhắc lại tên bài, các nội dung của tiết học:  - GV dặn dò HS về nhà học bài cũ và chuẩn bị bài tiếp theo | - HS làm việc nhóm 6.  - HS trả lời:  + Dãy núi: Đăng Rếch, Các-đa-môn, Đâm Rei.  + Sông lớn: Mê Công, hồ Tôn-lê Sáp.  - HS trả lời.  - HS trình bày kết quả  - HS lắng nghe.  - HS nêu. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ sáu ngày 14 tháng 3 năm 2025

Buổi chiều: Tiết 1: Toán

**LUYỆN TẬP CHUNG ( Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

#### **1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố kĩ năng tính diện tích hình tam giác, hình thang, hình tròn; diện tích và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Vận dụng giải quyết được một số bài toán thực tế có liên quan.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực chung**

- Thông qua các hoạt động tính diện tích hình tam giác, hình thang, hình tròn; diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương và vận dụng giải quyết được một số bài toán thực tế có liên quan, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giái quyết vấn đề toán học. NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Bài giảng trình chiếu, Tivi, bảng phụ, phiếu học tập,

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv**  **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi **“ Câu cá**”  - GV phổ biến cách chơi: Trên mỗi cần câu có các hình ( Tam giác, hình thang, hình hộp chữ nhật, hình lập phương). Trên mình mỗi chú cá có các công thức. HS chọn cần câu có hình phù hợp với công thức trên mình cá. Mỗi lần chọn đúng, HS được tuyên dương  - HS tham gia trò chơi theo hướng dẫn  - Mời một số HS đọc lại quy tắc và công thức tính diện tích hình thang, hình tam giác, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  - GV giới thiệu bài mới. | **Hoạt động của hs**  - HS lắng nghe cách chơi.  - HS tham gia chơi.  - HS đọc. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Luyện tập, thực hành.** | |
| **Bài 1:** HS đọc yêu cầu  - GV trình chiếu hình ảnh ( hoặc yêu cầu HS quan  sát hình SGK)  +Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - Quan sát loại hình và kích thước có trong hình, mời HS nối tiếp đọc lại quy tắc tính chu vi, diện tích các hình đã học.  - GV đặt câu hỏi cho HS hình C và D:  *+ Để tính chu vi mảnh đất hình C ta làm sao?*  *+Để tính diện tích mảnh đất hình C ta làm thế nào?*  *+Mảnh đất hình D gồm có hình gì và hình gì? Làm thế nào để tính chu vi? làm thế nào để tính diện tích?*  - Yêu cầu HS thực hiện cá nhân vào VBT  - Mời một số HS nối tiếp chia sẻ kết quả ( sửa bài) trên bảng, HS đổi chéo vở để sửa bài.  - Cả lớp nhận xét, đặt câu hỏi cho bạn ( nêu có)  - GV nhận xét , chốt kết quả đúng | - HS đọc yêu cầu bài  - Quan sát hình vẽ  - Hình A và B yêu cầu tính diện tích, hình C và D yêu cầu tính chu vi và diện tích mảnh đất.  - HS nối tiếp nêu quy tắc (hoặc công thức)  - HS trả lời câu hỏi của GV  - HS thực hiện VBT  - Một số HS sửa bài bảng lớp  ***Đáp án:*** *Diện tích hình A là:*  = 12,5 dm2  *Diện tích hình B là:*  Đổi: 40dm =4m  = 14 m2  \***Mảnh đất Hình C:** chia hình C thành 1 hình chữ nhật và 1 hình thang  *Chu vi hình C là:*  ( 52 + 35 + 40 + 45 +13 +85) = 270m  Diện tích hình chữ nhật: 52 x 35 =1820 m2  Chiều cao hình thang: 52 – 40 = 12 m  Đáy lớn hình thang: 85 – 35 = 50 m  Diện tích hình thang: =570 m2  *Diện tích mảnh đất hình C là:*  1820 + 570 = 2390 m2  \***Mảnh đất hình D**:( chia hình D thành 1 hình vuông và 1 hình tròn)  Chu vi hình vuông: 4 x 4 = 16 m  Chu vi hình tròn: 4 x 3,14 = 12,56 m  *Chu vi mảnh đất hình D :* 16 + 12,56 = 28,56m  Diện tích hình vuông: 4 x 4 = 16 m2  Bán kính hình tròn là: 4 : 2 = 2 m  Diện tích hình tròn: 2 x 2 x 3,14 = 12,56 m2  *Diện tích mảnh đất hình D*: 16 + 12,56 = 28,56 m2 |
| **Bài 2:** Chọn hình triển khai  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ **Ghép hình”**    - GV trình chiếu các hình ảnh như SGK, HS tham gia trò chơi bằng cách nối ghép các hình A, B, C, D với các hình 1, 2, 3, 4 sao cho thích hợp.  - Mỗi lượt chơi, HS có 5 giây để đưa ra đáp án (thao tác trên máy tính: Kéo hình triển khai vào hình phù hợp). Sau khi đưa ra đáp án, GV yêu cầu HS giải thích vì sao chọn đáp án đó? | - HS quan sát hình  - Lằng nghe sinh hoạt cách chơi  - HS tham gia trò chơi   * *Đáp án:*   *Hình (1) – B;(2) – A ; (3) – C; (4) - D* |
| **Bài 3:** Tính thể tích của bể kính  - Mời 3 HS nối tiếp đọc đề bài  - Mời HS nêu các kích thước của bể kính mà đề bài cho.  - GV hỏi đáp:  *+ Để tính diện tích kính cần dùng ( không nắp) ta tính diện tích gì? Và có chú ý gì?*    *+ Để tính được thể tích của nước trong bể, ta cần làm gì?*  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở  - Mời HS chia sẻ kết quả trước lớp  - Cả lớp cho ý kiến và đổi vở sửa bài | - 3 HS nối tiếp đọc đề bài  - Bể kính có chiều dài 1,2m; chiều rộng 60cm; chiều cao 80 cm  - *Ta tính diện tích toàn phần của bể (chỉ có 1 mặt đáy). Cần chú ý đổi đơn vị các kích thước về cùng 1 đơn vị đo và tính diện tích của 5 mặt.*  *- Để tính thể tích nước, ta đi tính chiều cao của mức nước ( 80* x *), sau đó mới tính thể tích nước với chiều cao vừa tìm được.*  - HS làm bài cá nhân vào vở  - 2 HS chưa sẻ kết quả trước lớp  - HS còn lại nhận xét, đổi vở sửa bài. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm.** | |
| - GV cho HS thi đua đọc công thức và qui tắc tính chu vi, diện tích, thể tích các hình đã học.  - HS đọc đúng được cộng điểm thi đua  - Về xem lại các bài tập đã giải và hoàn chỉnh  - Ôn kĩ các công thức và qui tắc toán để chuẩn bị tiết học sau. | - HS thi đua đọc qui tắc và công thức tính chu vi, diện tích, thể tích các hình đã học.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Tự chọn – Toán

**LUYỆN TẬP TÍNH THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT,**

**HÌNH LẬP PHƯƠNG**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Củng cố về thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Rèn kĩ năng giải toán liên quan đến tính thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Giáo án điện tử

- HS: Sách giáo khoa, vở viết...

**III. Các hoạt động dạy học:**

**1.** **Hoạt động khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV nêu yêu cầu: nêu công thức, phát biểu quy tắc tính thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  => GV chốt:  - Thể tích của hình hộp chữ nhật:  V = a x b x c  - Thể tích của hình lập phương:  V = a x a x a | - HS trao đổi theo nhóm đôi dưới hình thức lẩu băng chuyền.  - Một số HS nêu.  - 2 HS lên bảng viết.  - HS nhắc lại. |
| **2. Hoạt động thực hành:** |  |
| **Bài 1:** Một khối kim loại hình lập phương có cạnh 0,75m. Mỗi đề-xi-mét khối kim loại đó cân nặng 15kg. Hỏi khối kim loại đó cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?  - Gọi HS đọc đề bài toán.  - Tổ chức cho HS làm bài, chữa bài.  *Chốt cách tính thể tích hình lập phương.*  **Bài 2:** Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng 50cm, chiều cao 60cm.  a) Tính diện tích kính dùng làm bể cá đó (bể không có nắp).  b) Tính thể tích bể cá.  c) Mức nước trong bể cao bằng  chiều cao của bể. Tính thể tích nước có trong bể (độ dày kính không đáng kể)  - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS nêu các kích thước của bể cá.  - Diện tích kính dùng làm bể cá là diện tích của những mặt nào?  - Làm thế nào để tính được thể tích nước?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và làm bài vào vở.  - GV chữa bài cho HS.  *Củng cố cách tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật* | - HS đọc đề, phân tích đề.  - HS nêu:  + Đổi 0,75 m = 7,5 dm  + Tính thể tích khối kim loại (đơn vị đề-xi-mét khối)  + Tính khối lượng của khối kim loại.  - HS làm bài vào vở, chữa bài. - Cả lớp nhận xét.  - 1 HS đọc bài, lớp đọc thầm và quan sát hình vẽ trên màn hình.  - Bể cá có chiều dài 1m, chiều rộng 50 cm, chiều cao 60 cm.  - Diện tích xung quanh và diện tích một mặt đáy vì bể cá không có nắp.  - Mực nước trong bể có chiều cao bằng  chiều cao của bể nên thể tích nước cũng bằng  thể tích của bể.  - HS thảo luận nhóm đôi và làm bài vào vở.  - 1 HS lên bảng chữa bài.  Bài giải  a) 50cm = 0,5m ; 60cm = 0,6m  Diện tích kính xung quanh bể cá là:  (1 + 0,5) x 2 x 0,6 = 1,8 (m2)  Diện tích kính mặt đáy bể cá là:  1 x 0,5 = 0,5 (m2)  Diện tích kính để làm bể cá là:  1,8 + 0,5 = 2,3 (m2)  b) Thể tích của bể cá là:  1 x 0,5 x 0,6 = 0,3 (m3)  c) Chiều cao mực nước trong bể là:  0,6 x = 0,45 (m)  Thể tích nước trong bể có là:  1 x 0,5 x 0,45 = 0,225 (m3)  Đáp số: a) 2,3m2; b) 0,3m3 ; c) 0,225m3 |
| **Bài 3:** Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng 7cm và chiều cao 9cm. Một hình lập phương có cạnh bằng trung bình cộng của ba kích thước của hình hộp chữ nhật trên. Tính:  a) Tính thể tích hình hộp chữ nhật.  b) Tính thể tích hình lập phương.  - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS nêu cách làm.  - HS làm bài cá nhân.  - GV nhận xét bài làm của HS.  *Củng cố cách tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.*  **3. Hoạt động vận dụng:**  - Muốn tính thể tích hình lập phương và thể tích hình hộp chữ nhật ta làm như thế nào?  - Vận dụng kiến thức tính nguyên vật liệu làm các đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS làm bài tốt. | - HS đọc đề, phân tích đề.  - HS nêu cách làm.  - HS làm bài cá nhân.  - HS đọc bài làm của mình.  Bài giải  a) Cạnh hình lập phương đó là:  (8 + 7 + 9) : 3 = 8 (cm)  Thể tích hình hộp chữ nhật là:  8 x 7 x 9 = 504 (cm3)  b) Thể tích hình lập phương là:  8 x 8 x 8 = 512 (cm3)  Đáp số: a) 504cm3; b) 512cm3  - HS nêu lại.  - HS thực hiện tính giấy bìa để làm hộp quà và giấy màu để dán hộp quà. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Hoạt động trải nghiệm 3

**SINH HOẠT LỚP: XÂY DỰNG TIỂU PHẨM VỀ TRÁCH NHIỆM VÀ LÒNG BIẾT ƠN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Tham gia xây dựng được tiểu phẩm về trách nhiệm và lòng biết ơn với người phụ nữ trong gia đình.

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

**2. Năng lực chung**

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

- Liên hệ bản thân về những lời nói, việc làm mình đã thực hiện để thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.

- Sáng tạo được Cây trách nhiệm, biết ơn.

*- Tự lực, trách nhiệm:* chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Bài giảng điện tử, máy tính, ti vi.

- HS: Sổ theo dõi.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV**  **1. Khởi động:**  - Tổ chức cho HS cả lớp hát bài: Lớp chúng ta kết đoàn.  - GV dẫn dắt vào tiết học.  - GV giới thiệu bài.  **2. Khám phá – Thực hành:**  **Hoạt động 1: Sinh hoạt lớp: *Kiểm điểm thi đua tuần 25.*** | **Hoạt động của HS**  - HS thực hiện. |

- Các tổ trưởng lần lượt nhận xét, đánh giá từng cá nhân của tổ trong tuần 25.

- Lớp trưởng báo cáo tình hình thi đua của lớp trong tuần, nhận xét từng mặt hoạt động: vệ sinh, trang phục - khăn quàng, chuẩn bị bài và học bài,…

- Các cá nhân phát biểu ý kiến

- GV nhận xét chung hoạt động của lớp:

***\* Phương hướng hoạt động tuần 26.***

- Khắc phục những hạn chế ở tuần 25. Phát huy ưu điểm đã đạt được.

- Duy trì tốt nề nếp, nghi thức đội viên.

- Khăn quàng, đồng phục đầy đủ, dọn vệ sinh lớp sạch sẽ , giữ gìn môi trường xung quanh sạch đẹp.

- Thực hiện truy bài cho tốt hơn. Phát huy tốt vai trò của đôi bạn cùng tiến.

- Duy trì nề nếp đi học đều, đúng giờ ra vào lớp xếp hàng nhanh, nghiêm túc.

- Tích cực trang trí lớp.

- Trong lớp chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu xây dựng bài, học và làm bài trước khi đến lớp.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Xây dựng tiểu phẩm về trách nhiệm và lòng biết ơn**  - GV chia lớp thành các nhóm (4 – 6 HS).  - GV nêu nhiệm vụ hoạt động: *Các nhóm sẽ thảo luận để xây dựng tiểu phẩm về trách nhiệm và lòng biết ơn với người phụ nữ trong gia đình.*  - GV hướng dẫn cụ thể như sau:  + Lựa chọn một người phụ nữ trong gia đình để xây dựng tiểu phẩm: bà, mẹ, bác gái, cô, dì,...  + Thiết kế kịch bản cho tiểu phẩm. Các nhóm viết tóm lược ra giấy:   * Ý tưởng chủ đạo của tiểu phẩm. * Các tỉnh tiết chính của tiểu phẩm. * Các nhân vật chính trong tiểu phẩm.   + Thống nhất nội dung kịch bản, viết lời thoại để thể hiện.  + Phân vai cho các thành viên.  + Chuẩn bị trang phục, phương tiện hỗ trợ để trình diễn tiểu phẩm.  - GV tổ chức cho các nhóm tiến hành xây dựng tiểu phẩm.  - GV hỗ trợ những nhóm còn lúng túng, góp ý thêm cho kịch bản hấp dẫn hơn, có thể gợi ý về những tình tiết đưa vào để tiểu phẩm thêm thú vị.  - Sau khi đã thiết kế xong kịch bản, GV tổ chức cho các nhóm tiến hành tập luyện đóng vai thể hiện nội dung tiểu phẩm.  **3. Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Luyện tập đóng vai thể hiện tiểu phẩm.  + Chuẩn bị trước ***Chủ đề 7 – Tuần 26.***- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát. | - HS làm việc nhóm.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Lãnh đạo duyệt Người soạn bài**

*( Nhận xét và ký duyệt )*

*Nguyễn Thị Kim Huế*  *Nguyễn Thị Thu Hà*